



ISPAE

VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

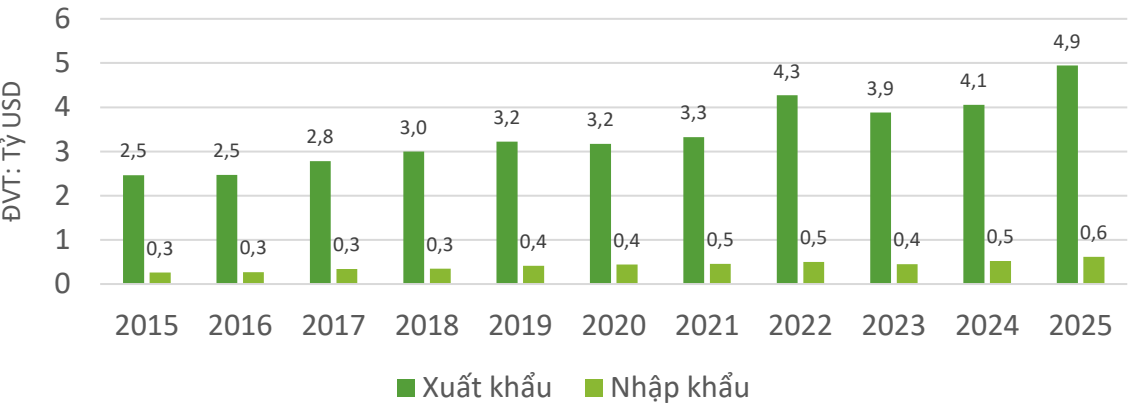
BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN THỊ TRƯỜNG **NHẬT BẢN**

Năm 2025

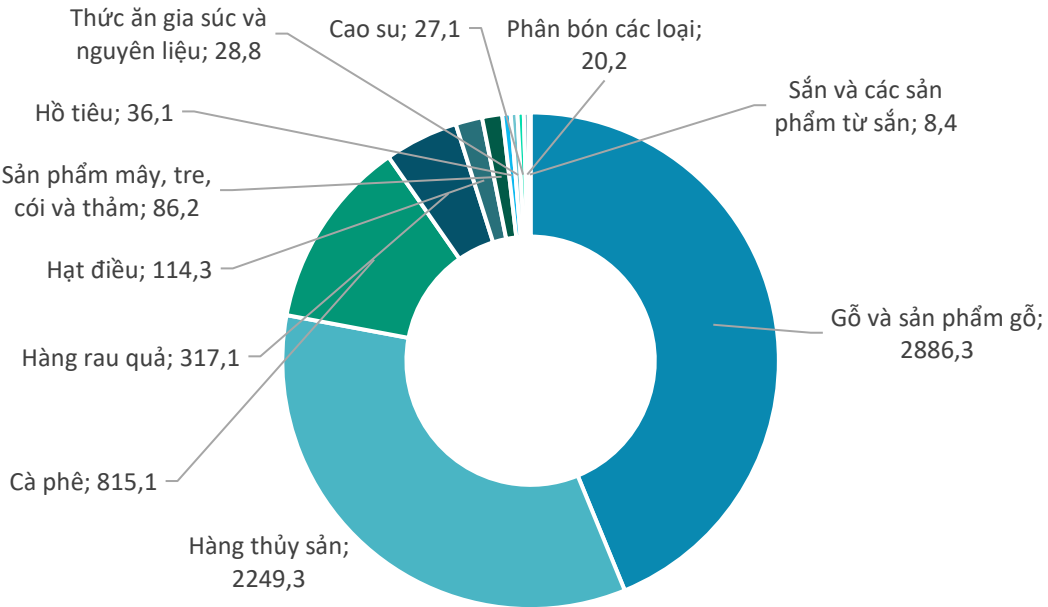


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN NĂM 2025

Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản



Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, 2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

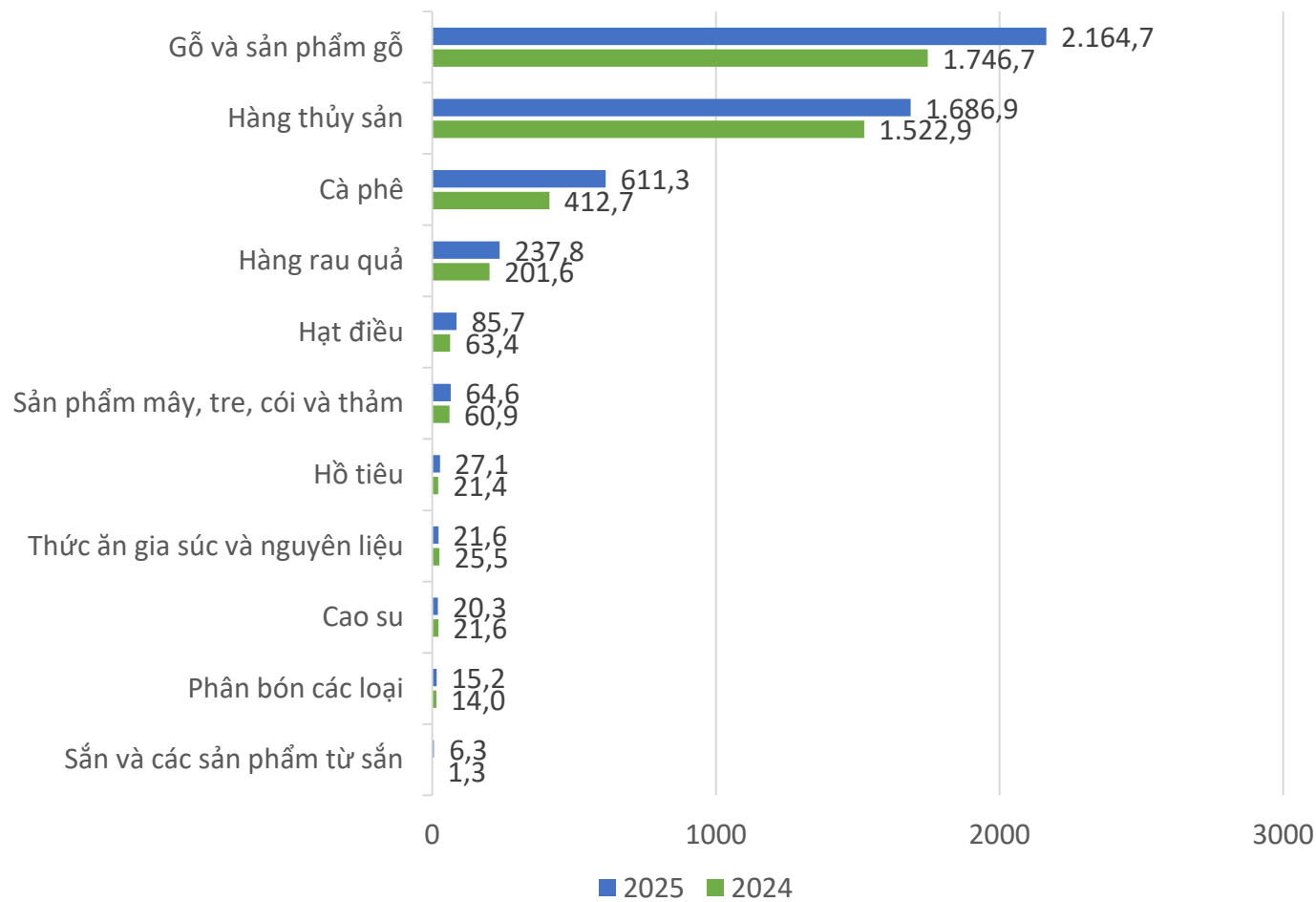
Đơn vị: Triệu USD

- Giai đoạn 2015-2025, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản tăng trưởng ổn định và thể hiện xu hướng mở rộng vững chắc, từ 2,46 tỷ USD năm 2015 lên 4,9 tỷ USD năm 2025, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 8,0%/năm. Mức tăng này cho thấy năng lực sản xuất, chế biến sâu và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng khắt khe của thị trường Nhật Bản ngày càng được củng cố.
- Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu nông lâm thủy sản từ Nhật Bản cũng tăng từ 268,4 triệu USD năm 2015 lên 614,7 triệu USD năm 2025, với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 8,4%, phản ánh xu hướng gia tăng nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, giống cây trồng, thiết bị bảo quản, chế biến hiện đại và nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước.
- Mặc dù nhập khẩu tăng nhanh hơn, thặng dư thương mại của Việt Nam trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản với Nhật Bản vẫn duy trì ở mức cao, từ khoảng 2,2 tỷ USD năm 2015 lên hơn 5,56 tỷ USD năm 2025, cho thấy Việt Nam vẫn giữ vững vị thế xuất siêu và tiếp tục là đối tác cung ứng nông sản quan trọng hàng đầu của Nhật Bản tại châu Á.

Mặt hàng xuất khẩu năm 2025	Thị phần (%)
Gỗ và sản phẩm gỗ	43,8%
Hàng thủy sản	34,1%
Cà phê	12,4%
Hàng rau quả	4,8%
Hạt điều	1,7%
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	1,3%
Hồ tiêu	0,5%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	0,4%
Cao su	0,4%
Phân bón các loại	0,3%
Sắn và sản phẩm sắn	0,1%

XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN NĂM 2025

Biến động giá trị xuất khẩu NLTS chính sang Nhật Bản năm 2025 so với năm 2024



Biến động giá trị XK NLTS năm 2025 so với năm 2024

✓	Gỗ và sản phẩm gỗ	↑ 23,9%
✓	Thủy sản	↑ 10,8%
✓	Cà phê	↑ 48,1%
✓	Rau quả	↑ 18,0%
✓	Hạt điều	↑ 35,3%
✓	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	↑ 6,2%
✓	Hồ tiêu	↑ 26,2%
✓	Thức ăn chăn nuôi	↓ 15,3%
✓	Cao su	↓ 5,7%
✓	Phân bón các loại	↑ 8,5%
✓	Sắn và các sản phẩm từ sắn	↑ 373,8%

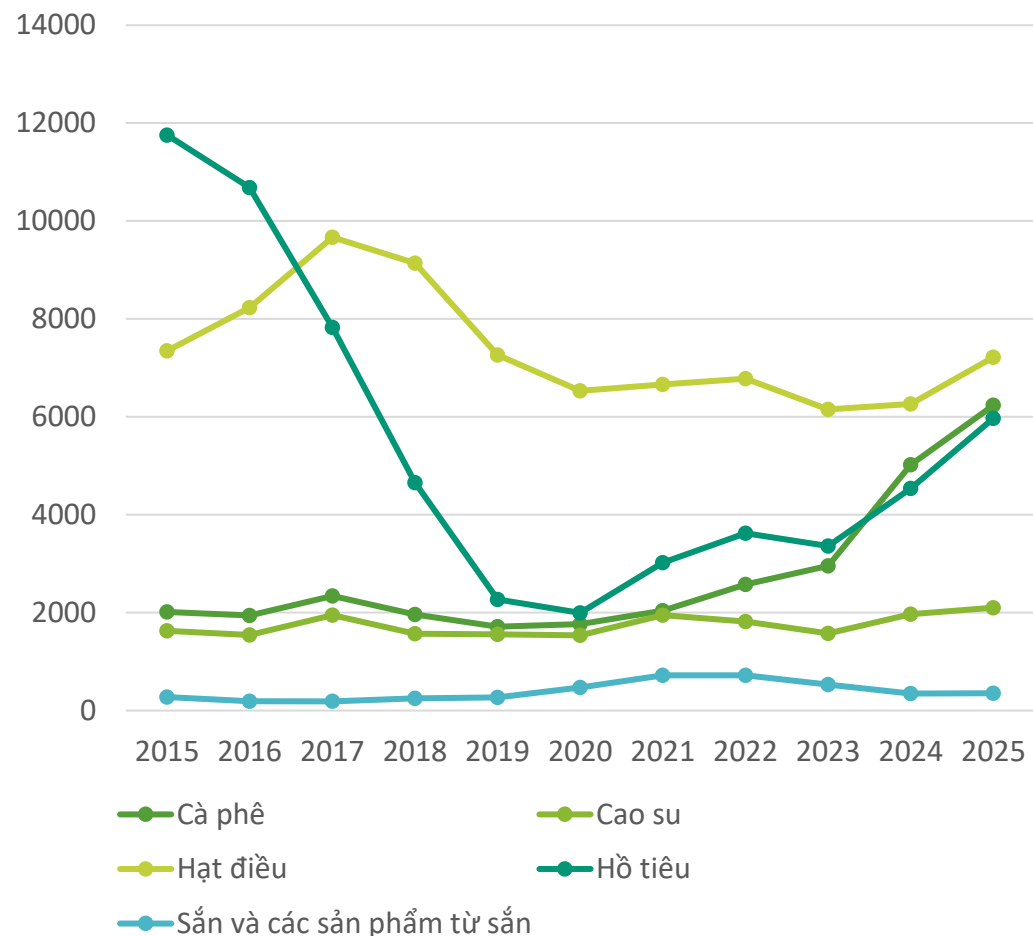
Ghi chú ↑: Tăng ↓: Giảm

• Gỗ và sản phẩm gỗ là ngành có giá trị xuất khẩu sang Nhật Bản lớn nhất. Trong năm 2025, giá trị xuất khẩu của 3 ngành tăng cao nhất là sắn và sản phẩm từ sắn (373,8%), cà phê (48,1%) và hạt điều (35,3%) so với năm 2024. Các mặt hàng NLTS chính xuất khẩu sang Nhật Bản năm 2025 đều có giá trị tăng so với năm 2024, trừ một số mặt hàng gồm: thức ăn chăn nuôi (giảm 15,3%) và cao su (giảm 5,7%).

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

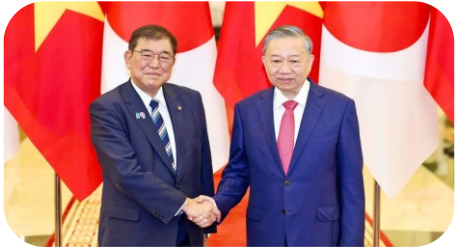
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN NĂM 2025

Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS chính của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2015 - 2025



- Cà phê:** Giai đoạn 2015-2025, giá cà phê tăng mạnh và liên tục, từ 2.014 USD/tấn năm 2015 lên 6.235 USD/tấn năm 2025, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) khoảng 11,9%, phản ánh xu hướng tăng giá toàn cầu trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt và nhu cầu tiêu thụ cà phê tiếp tục mở rộng.
- Cao su:** Giá cao su biến động nhẹ trong giai đoạn 2015-2025, dao động quanh mức 1.500-2.100 USD/tấn. Năm 2025, giá đạt 2.102 USD/tấn, tăng khoảng 36,8% so với năm 2020 và đạt CAGR 2,6%. Diễn biến này cho thấy thị trường cao su phục hồi tương đối chậm, song ổn định, gắn với sự phục hồi nhu cầu từ ngành công nghiệp ô tô và sắm lốp.
- Hạt điều:** Sau giai đoạn giảm nhẹ năm 2019-2021, giá hạt điều phục hồi ổn định, đạt 7.219,5 USD/tấn năm 2025, tăng 15,2% so với năm 2024. Trong giai đoạn 2015-2025, CAGR của hạt điều gần như đi ngang (khoảng -0,2%), phản ánh đặc thù thị trường chịu tác động mạnh từ cung nguyên liệu và nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ và EU.
- Hồ tiêu:** Giá hồ tiêu giảm sâu từ 11.756 USD/tấn năm 2015 xuống mức thấp 1.995,8 USD/tấn năm 2020, sau đó phục hồi mạnh, đạt 5.966 USD/tấn năm 2025. CAGR giai đoạn 2015-2025 vẫn ở mức âm khoảng -6,4%, phản ánh chu kỳ suy giảm dài trước khi bước vào giai đoạn phục hồi nhờ nguồn cung thu hẹp và nhu cầu gia vị tăng trở lại sau đại dịch.
- Săn và các sản phẩm từ săn:** Giá săn nhìn chung biến động thất thường, đạt đỉnh 719,8 USD/tấn giai đoạn 2021-2022 rồi giảm dần, chỉ còn 354 USD/tấn năm 2025. So với năm 2015 (190,7 USD/tấn), giá vẫn tăng tổng cộng 29%, nhưng CAGR đạt khoảng 2,6%, phản ánh rõ tính chu kỳ và sự phụ thuộc lớn vào cung cầu khu vực cũng như chi phí logistics.

SỰ KIẾN NỔI BẬT CỦA THỊ TRƯỜNG



Việt Nam - Nhật Bản: Hình mẫu hợp tác mới

Ngày 27/4, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm đã hội kiến Chủ tịch Đảng Dân chủ Tự do, Thủ tướng Nhật Bản Ishiba Shigeru nhân dịp Thủ tướng Nhật Bản Ishiba Shigeru và Phu nhân sang thăm chính thức Việt Nam. Tổng Bí thư đề xuất 7 định hướng lớn nhằm tăng cường hợp tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản, đồng thời đề nghị hai bên khai thác các tiềm năng mới trong hợp tác lao động, chuyển đổi xanh, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao, giao lưu địa phương và văn hóa.



Nhật Bản có nữ thủ tướng đầu tiên trong lịch sử

Ngày 21/10, bà Takaichi Sanae chính thức trở thành Thủ tướng Nhật Bản thứ 104 và là nữ Thủ tướng đầu tiên. Bà Takaichi, 64 tuổi, lần đầu tiên được bầu vào Hạ viện năm 1993, từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng trong chính quyền và trong Đảng Dân chủ Tự do như Bộ trưởng An ninh Kinh tế, Bộ trưởng Nội vụ và Truyền thông, Chủ tịch Hội đồng nghiên cứu chính sách của LDP.



Kinh tế Nhật Bản suy giảm do thuế quan của Hoa Kỳ gây áp lực lên xuất khẩu

GDP Nhật Bản quý 3/2025 giảm 2,4% so với quý trước, lần đầu đi xuống sau 6 quý tăng trưởng, khi các biện pháp thuế quan của Hoa Kỳ làm giảm mạnh xuất khẩu và khiến đầu tư cùng tiêu dùng chững lại. Chính sách tài khóa mở rộng của chính phủ do Thủ tướng Sanae Takaichi lãnh đạo, kết hợp với việc Ngân hàng Nhật Bản (BOJ) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, có thể khiến đồng yen tiếp tục suy yếu trong thời gian tới.



Việt Nam và Nhật Bản tăng cường hợp tác nông nghiệp

Ngày 04/9, tại thủ đô Tokyo đã diễn ra Hội nghị cấp cao Đối thoại hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Nhật Bản lần thứ VI. Tại cuộc họp, Bộ trưởng Trần Đức Thắng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam và Bộ trưởng Koizumi, Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản đã trao đổi ý kiến về các nội dung hợp tác và định hướng hợp tác sau này trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giữa hai nước, đồng thời phê duyệt Tầm nhìn Trung hạn - Dài hạn về Hợp tác Nông nghiệp Việt Nam - Nhật Bản (Giai đoạn 3).



Giá gạo ở Nhật tăng gần 90%

Bộ Nông nghiệp Nhật Bản cho biết trong tuần đầu tiên của tháng 2/2025, giá bán lẻ một túi gạo 5kg tại các siêu thị trên khắp nước này chạm mức 3.829 yen (khoảng 25,22 USD), tăng gần 90% so với cùng kỳ năm ngoái. Giống lúa Japonica Koshihikari phổ biến nhất tại Nhật Bản, đối mặt nguy cơ biến mất do biến đổi khí hậu.

MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT

- Giá **cà phê** tăng cao trong năm 2025 khiến giá trị xuất khẩu cà phê sang Nhật Bản tăng mạnh **(+ 48,1%)**, đồng thời sản lượng xuất khẩu cũng ghi nhận mức **tăng 6,2%**.
- Giá trị xuất khẩu **thủy sản** của Việt Nam sang Nhật Bản duy trì ổn định. Nhật Bản hiện là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn **thứ ba** của Việt Nam, **chiếm khoảng 15%** tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành, chỉ đứng sau Hoa Kỳ và Trung Quốc. Các sản phẩm thủy sản Việt Nam vẫn giữ được lợi thế cạnh tranh tại thị trường này.
- Xuất khẩu **rau quả** của Việt Nam sang Nhật Bản tăng trưởng mạnh **(+17,1%)**. Dù thị phần rau quả Việt Nam tại thị trường Nhật Bản còn khiêm tốn với khoảng **3,0%**, nhưng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao (CAGR 13,7%/năm giai đoạn 2016 - 2025).
- Năm 2025, **Việt Nam** và **Nhật Bản** tiếp tục hợp tác chiến lược trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, hướng tới phát triển bền vững và chuyển đổi xanh. Hai bên thống nhất triển khai Tầm nhìn trung - dài hạn giai đoạn 3, tập trung vào mở rộng xuất khẩu nông sản, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, quản lý rừng bền vững, thương mại gỗ và ứng phó biến đổi khí hậu. Sự hợp tác này đánh dấu bước chuyển từ hợp tác truyền thống sang đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao vị thế nông sản Việt Nam tại Nhật Bản.



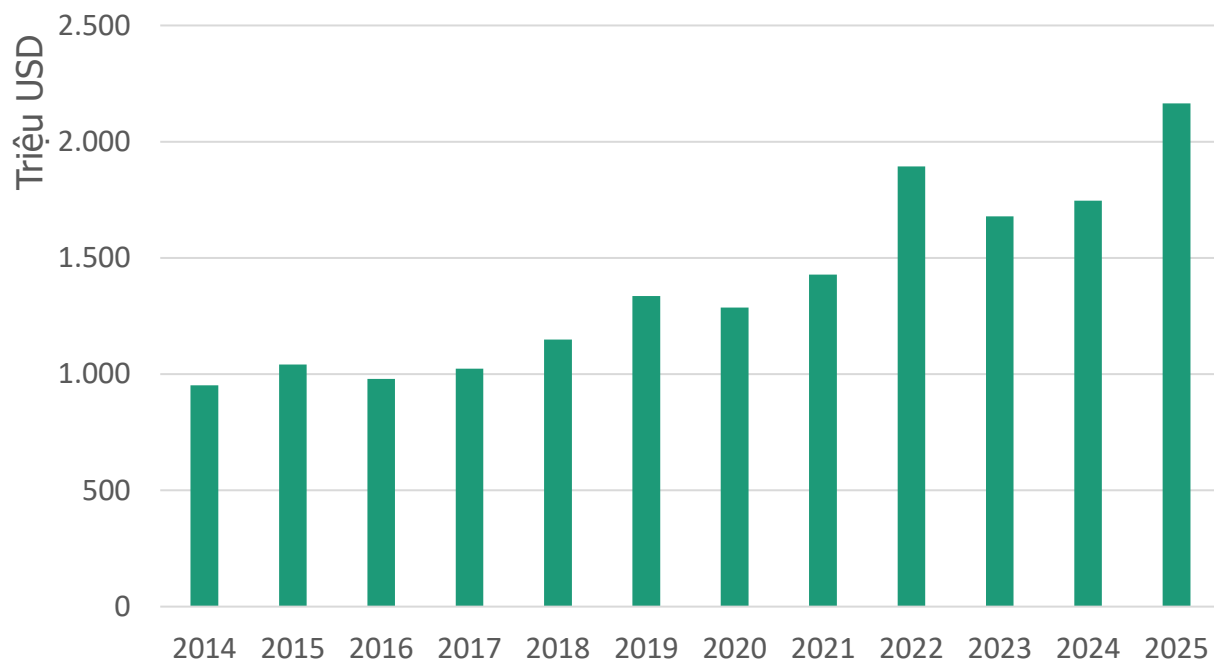
TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU NĂM 2026

- Nhu cầu thị trường Nhật Bản tiếp tục tăng: Các gói kích thích kinh tế của Chính phủ Nhật giúp phục hồi tiêu dùng nội địa, đặc biệt là nhóm thực phẩm an toàn, có nguồn gốc rõ ràng; Thị hiếu người Nhật nghiêng về sản phẩm hữu cơ, xanh và bền vững, tạo cơ hội cho nông sản Việt Nam đạt chứng nhận GAP, HACCP hoặc JAS.
- Nhật Bản dự kiến vẫn là thị trường số 3 của thủy sản Việt Nam, chiếm khoảng 14 - 16 % tổng kim ngạch. Nhu cầu nhập các sản phẩm tôm, cá ngừ, cá tra chế biến dự kiến tăng nhẹ nhờ các doanh nghiệp Việt đạt tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm và carbon footprint (dấu chân carbon).
- Gỗ nguyên liệu, dăm gỗ, gỗ ván tiếp tục là mặt hàng có dư địa lớn khi Nhật tăng sử dụng năng lượng sinh học. Các cam kết trong Tầm nhìn hợp tác giai đoạn 3 sẽ giúp Việt Nam mở rộng thương mại gỗ hợp pháp, đáp ứng tiêu chuẩn FSC và trung hòa carbon.
- Xuất khẩu trái cây tươi, rau quả đông lạnh và hạt chế biến có thể tăng 10 - 15 % nếu mở rộng được vùng trồng đạt chuẩn xuất khẩu sang Nhật. Cà phê và hạt điều có triển vọng duy trì đà tăng nhẹ nhờ đa dạng sản phẩm chế biến và nhu cầu ổn định của người tiêu dùng Nhật.
- Việt Nam tiếp tục hưởng ưu đãi thuế quan từ VJEPA, AJCEP, RCEP, CPTPP, giúp hàng hóa cạnh tranh hơn các đối thủ ASEAN. sản phẩm “carbon-low”
- Hợp tác công nghệ và chuyển đổi xanh trong khuôn khổ Tầm nhìn 3 sẽ tạo điều kiện cho và nông nghiệp thông minh tiếp cận sâu hơn thị trường Nhật.

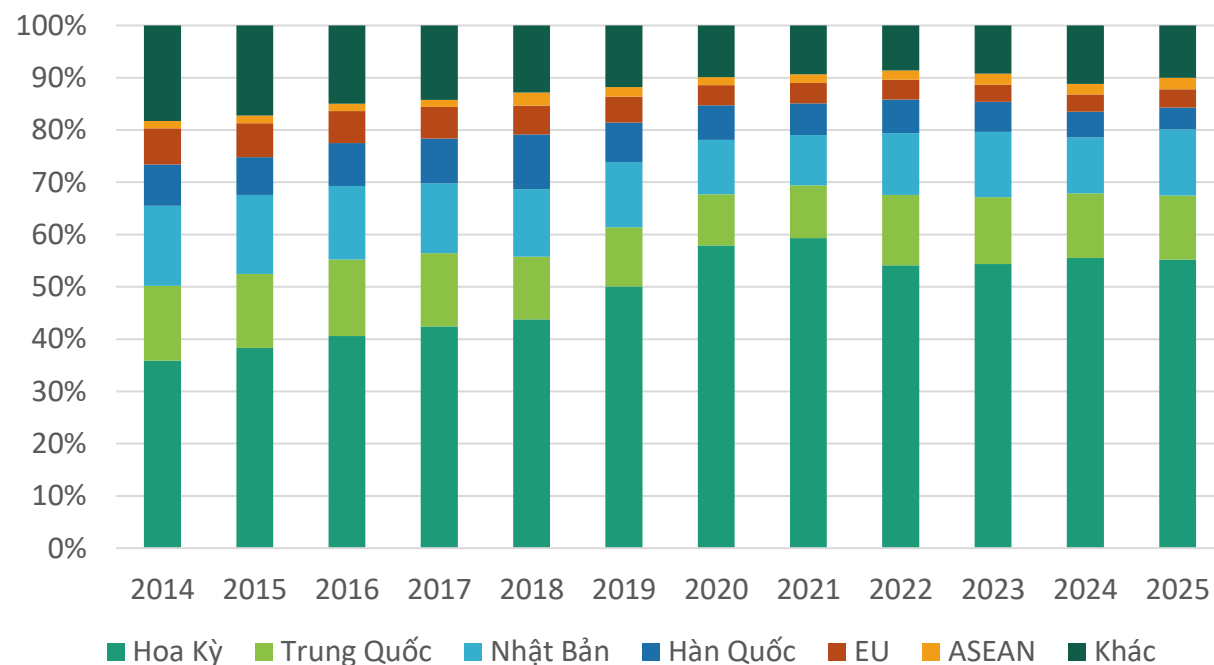


GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Khối lượng và giá trị gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, 2014 - 2025



Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, 2014 - 2025

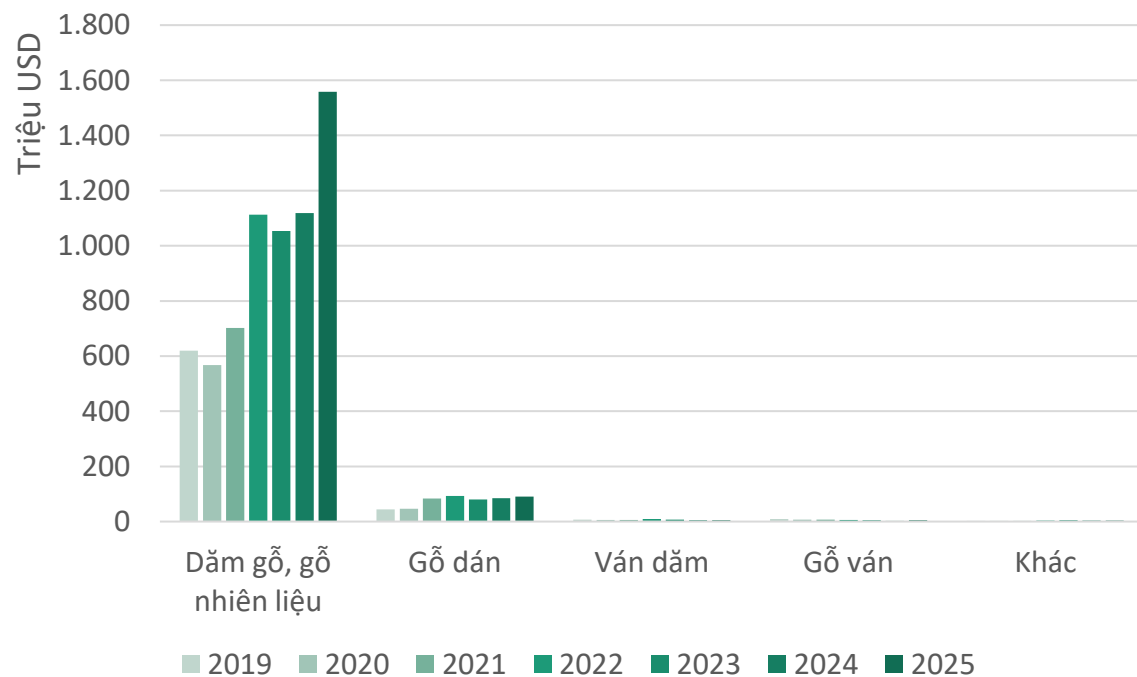


- Năm 2025, xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang Nhật Bản ước đạt 2,2 tỷ USD, tăng 23,9% so với năm 2024.
- Giai đoạn 2014 - 2025, giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang Nhật Bản tăng trung bình 8,0%/năm.
- Trong cùng giai đoạn, tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản có xu hướng giảm qua các năm.

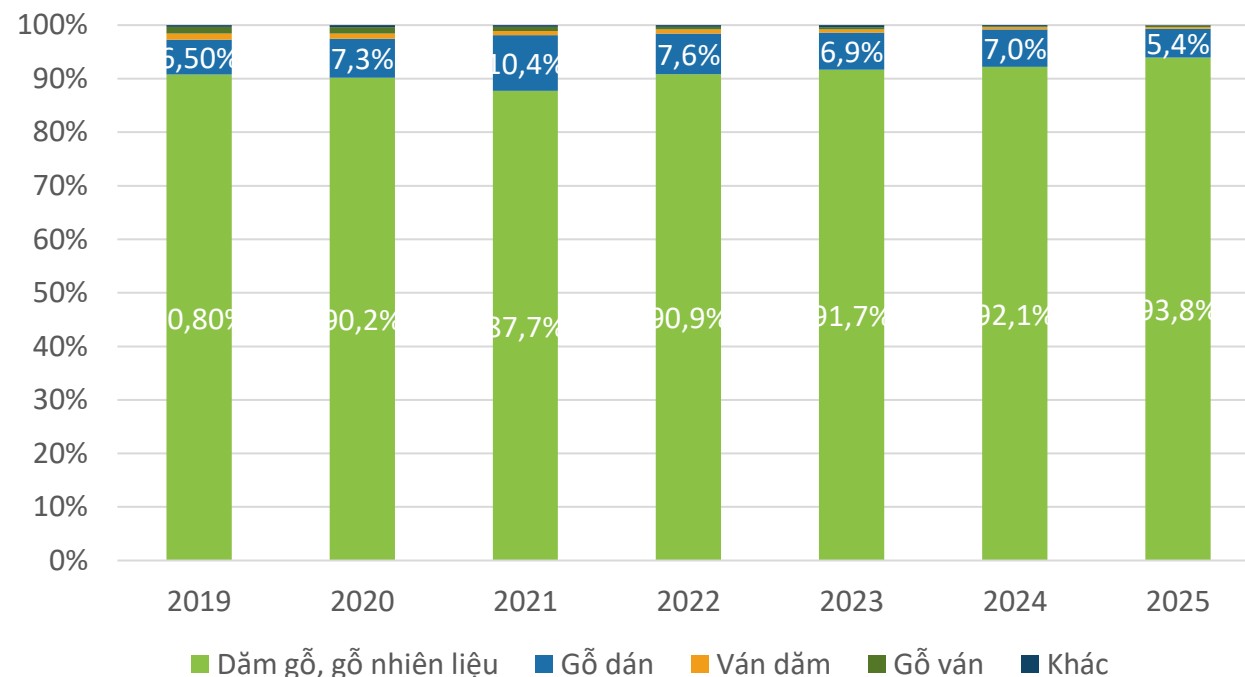


GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Kim ngạch XK các loại gỗ (HS 44) sang thị trường Nhật Bản, 2019 - 2025



Cơ cấu chủng loại gỗ (HS 44) XK sang thị trường Nhật Bản, 2019 - 2025

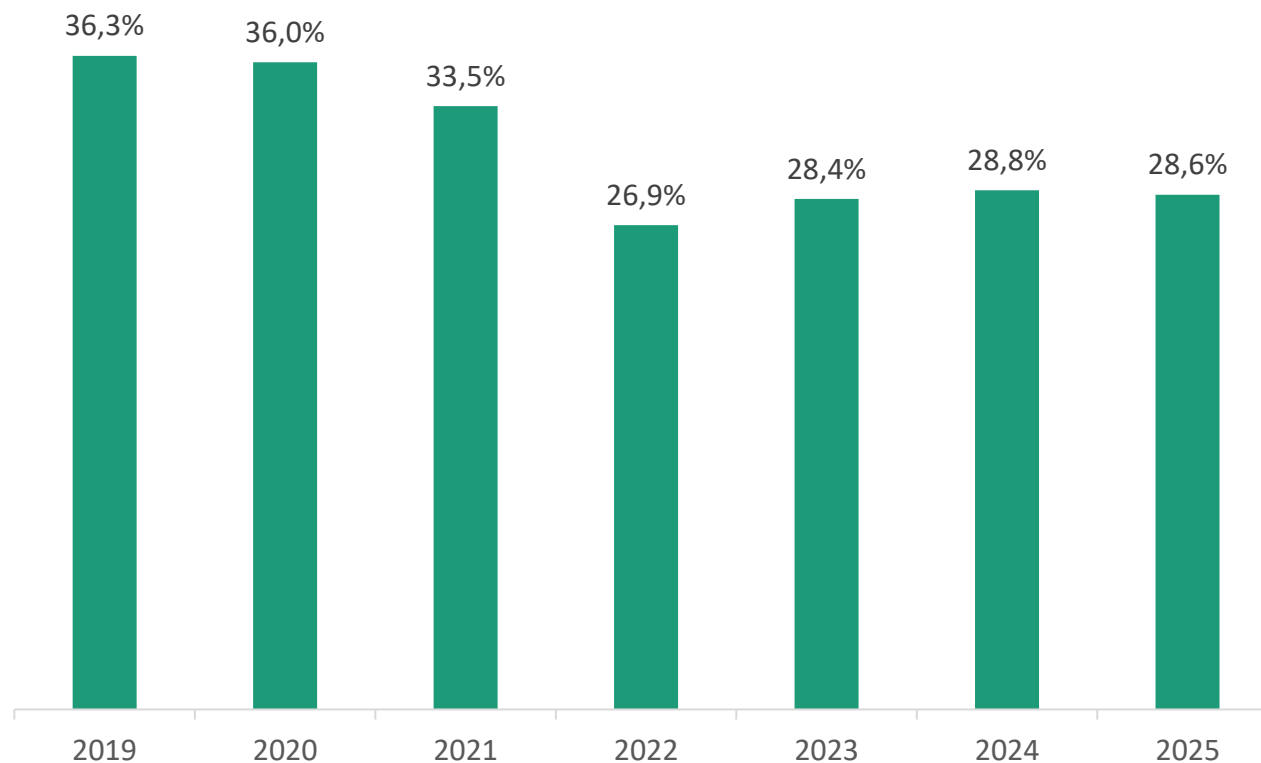


- Dăm gỗ, gỗ dán và ván dăm là 3 loại gỗ và SP gỗ có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản trong năm 2025.
- Năm 2025, xuất khẩu dăm gỗ sang Nhật Bản đạt 1,6 tỷ USD, bằng 139,2% so với năm 2024, chiếm 93,8% tổng kim ngạch gỗ xuất khẩu sang thị trường này.
- Trong giai đoạn 2019 - 2025, tỷ trọng xuất khẩu dăm gỗ sang Nhật Bản có xu hướng tăng, còn tỷ trọng xuất khẩu gỗ dán và ván dăm có xu hướng giảm.



GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Biến động tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, 2019 - 2025





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

SỰ KIẾN NỔI BẬT NĂM 2025

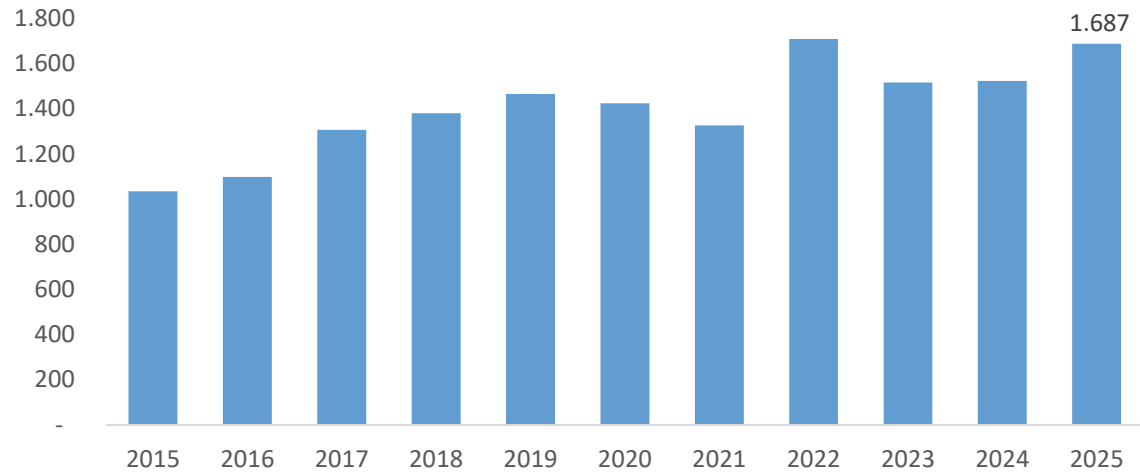
Thị trường xây dựng nhà ở của Nhật Bản đã ghi nhận một sự phục hồi mạnh mẽ vào đầu năm 2025. Theo dữ liệu từ Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản, tổng lượng nhà mới khởi công đã tăng vọt 39,1% so với cùng kỳ năm trước, vượt xa mức tăng 2,4% của tháng 1 và các dự báo của thị trường.

Đây là tốc độ tăng trưởng hàng năm mạnh mẽ nhất kể từ tháng 9/2008. Sự phục hồi này mang tính toàn diện, thể hiện qua mức tăng trưởng ấn tượng ở tất cả các phân khúc chính, bao gồm: nhà sở hữu riêng (tăng 37,4%), nhà cho thuê (tăng 50,6%), nhà xây để bán (tăng 22,8%), và nhà xây theo phương pháp 2x4 (tăng 45,9%).

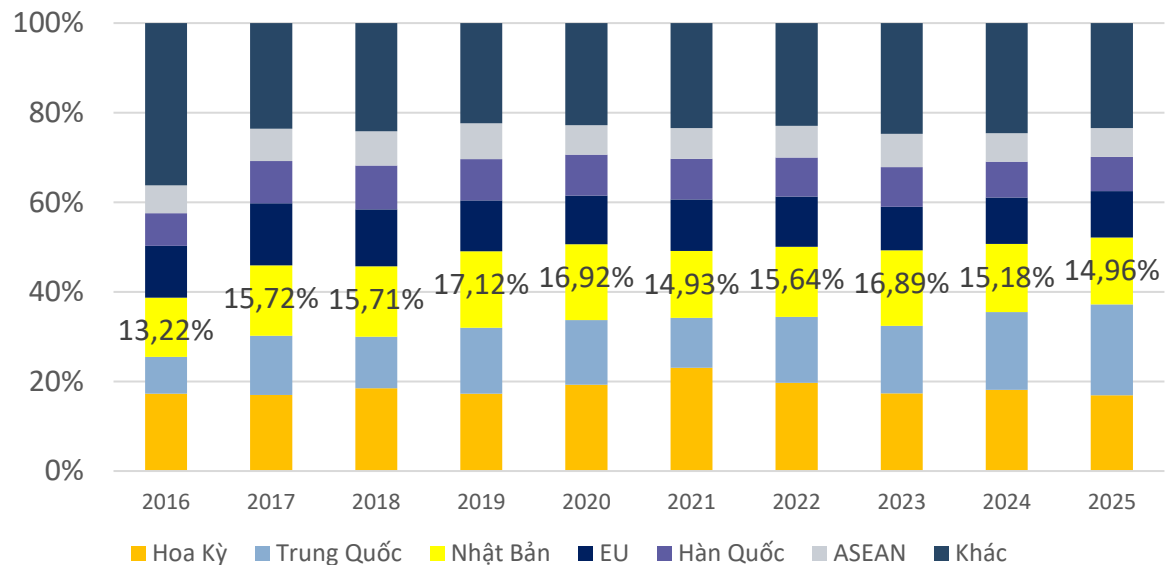


Thủy sản

Giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản 2016-2025



Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản 2016 - 2025



Kết quả xuất khẩu Thủy sản sang thị trường Nhật Bản năm 2025

KIM NGẠCH:

đạt **1.688,9** triệu USD

↗ Tăng **10,8%** so với cùng kỳ 2024.

Trong giai đoạn 2015–2025, giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản tăng từ 1,1 tỷ USD năm 2015 lên 1,69 tỷ USD năm 2025, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt khoảng 5,6%.

Mức tăng này phản ánh sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ thực phẩm thủy sản tại Nhật Bản trong năm 2025, nhờ đà hồi phục kinh tế, tỷ giá yên Nhật ổn định hơn và nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm phục vụ chế biến, tiêu dùng nội địa gia tăng.

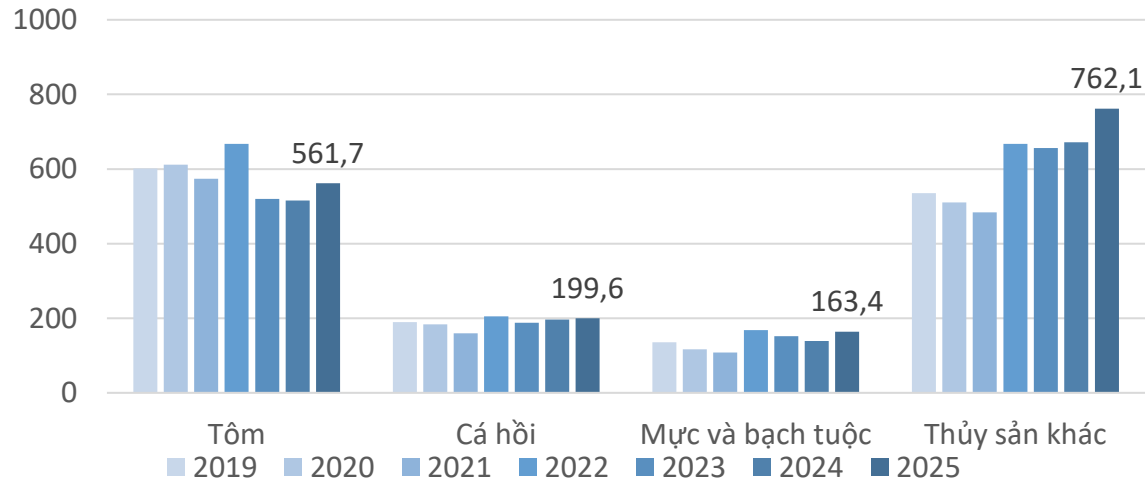
Nhật Bản hiện là thị trường lớn thứ 3 của ngành thủy sản Việt Nam, với thị phần khoảng 15%, giảm 0,2% so với 2025

Tham khảo: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

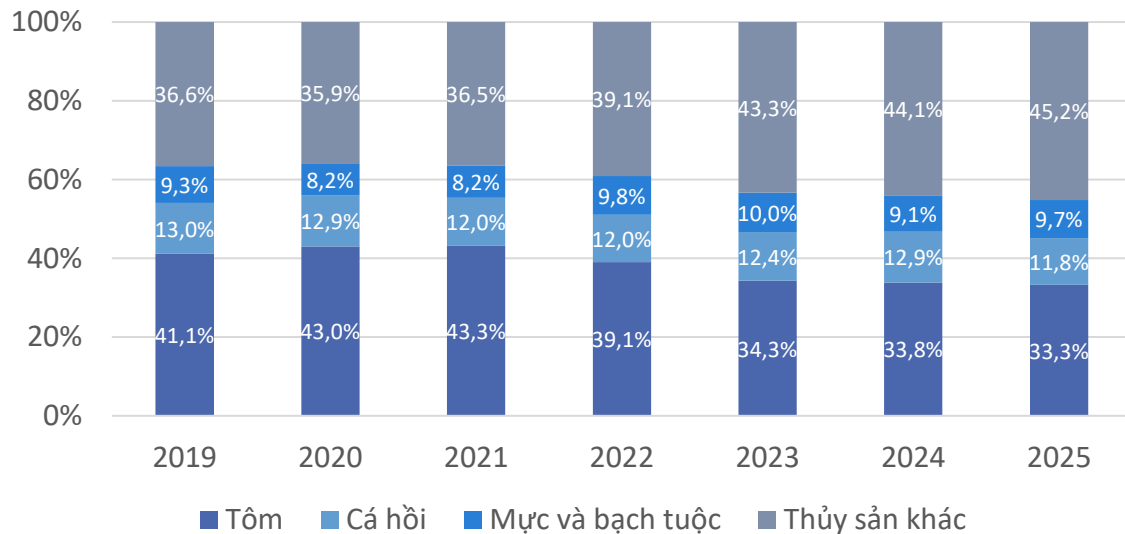


Thủy sản

Kim ngạch XK theo chủng loại sang thị trường Nhật Bản 2019-2025



Cơ cấu chủng loại thủy sản sang thị trường Nhật Bản 2019 - 2025



Kết quả XK Thủy sản theo chủng loại sang thị trường Nhật Bản năm 2025

Tôm:

Kim ngạch 2025 đạt **561,7** triệu USD, **tăng 9,0%** so với 2024.

Về tỷ trọng, giá trị XK tôm chiếm **33,3%** kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản, **giảm 0,5%** so với 2024.

Cá hồi:

Kim ngạch 2025 đạt **199,6** triệu USD, **tăng 1,5%** so với 2024,

Về tỷ trọng, giá trị XK cá hồi chiếm **11,8%** kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản, **giảm 1,1%** so với 2024.

Mực và bạch tuộc:

Kim ngạch 2025 đạt **163,4** triệu USD, **tăng 17,6%** so với 2024.

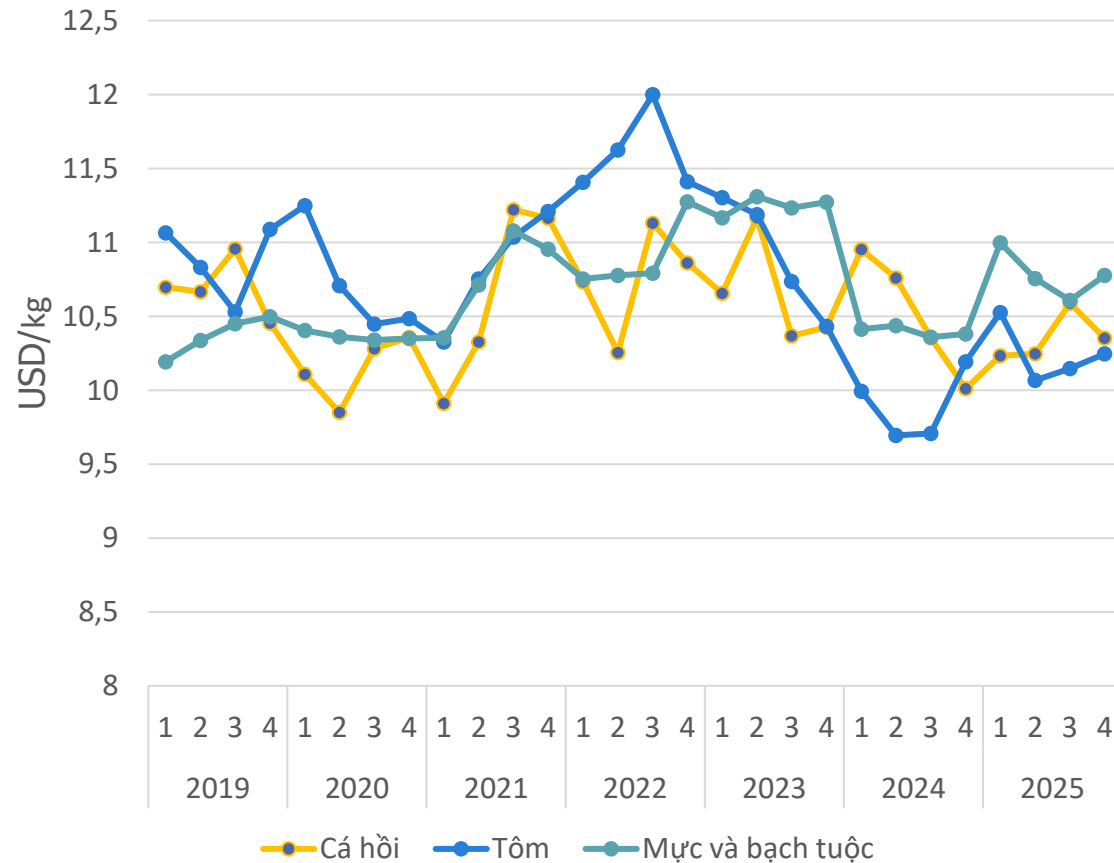
Về tỷ trọng, giá trị XK mực và bạch tuộc chiếm **9,7%** kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản, **tăng 0,6%** so với 2024.

Tham khảo: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



Thủy sản

Giá thủy sản bình quân XK theo quý sang thị trường Nhật Bản 2019-2025



Giá thủy sản bình quân XK sang thị trường Nhật Bản năm 2025

Tôm:

Giá xuất khẩu bình quân năm 2025 bình quân đạt **10,4 USD/kg**, tăng **4,7%** so với 2024.

Cá hồi:

Giá xuất khẩu bình quân năm 2025 bình quân đạt **10,5 USD/kg**, tăng **0,2%** so với 2024.

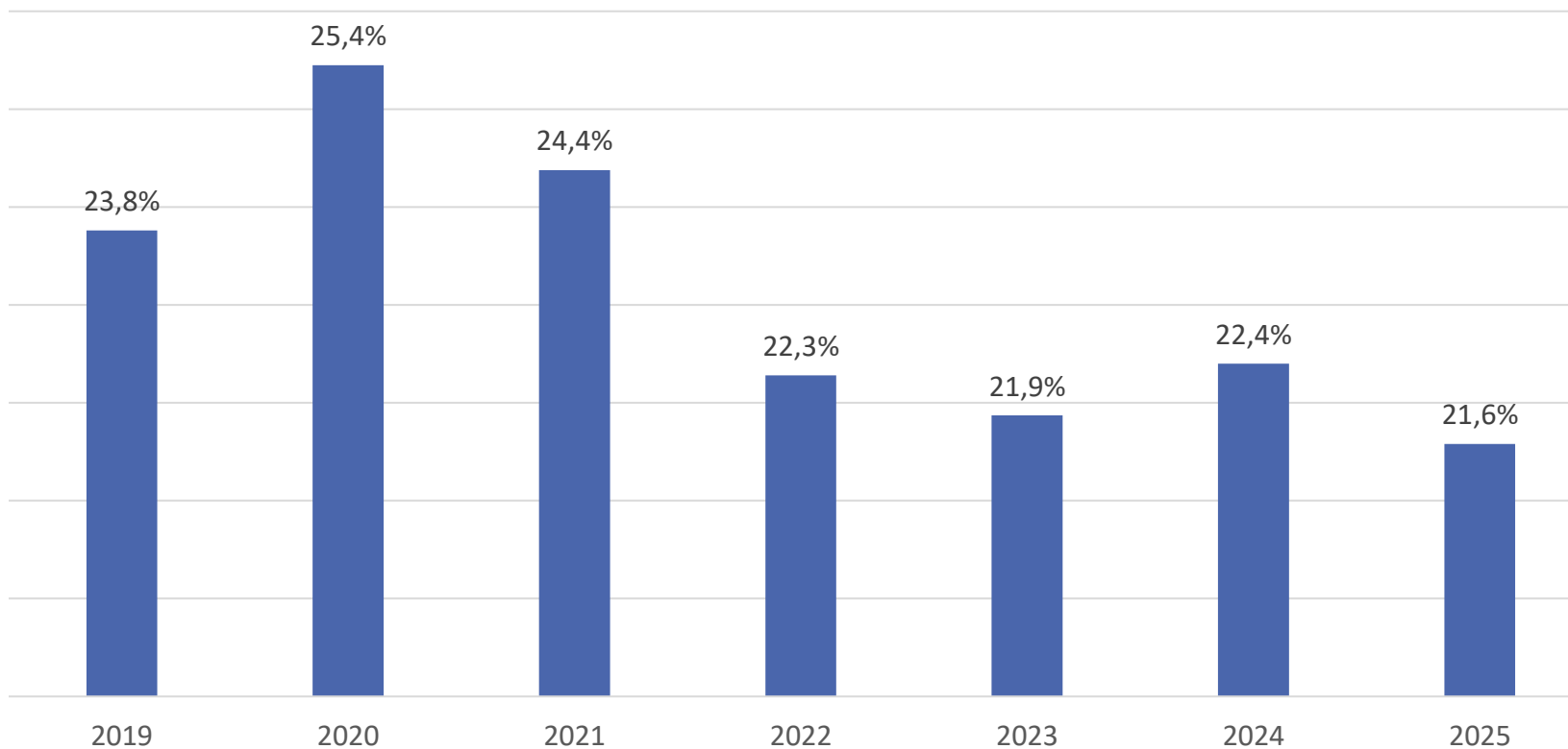
Mực và bạch tuộc:

Giá xuất khẩu bình quân năm 2025 bình quân đạt **10,8 USD/kg**, tăng **4,3%** so với 2024.



Thủy sản

Biến động tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản 2019 - 2025





Thủy sản

SỰ KIẾN NỔ BẬT NĂM 2025

Tiêu thụ hải sản tại Nhật Bản tiếp tục giảm

Dữ liệu từ các khảo sát hộ gia đình và thống kê nhập khẩu cho thấy chi tiêu cho hải sản tại Nhật tiếp tục giảm. Trong tháng 7/2025, chi tiêu trung bình cho hải sản của mỗi hộ là 5.553 JPY (khoảng 37,4 USD), giảm 1% so với cùng kỳ năm trước theo giá danh nghĩa và 1,6% theo giá thực tế. Đây đã là tháng thứ sáu liên tiếp ghi nhận sự sụt giảm này.

Khối lượng hải sản mua vào giảm ở hầu hết các mặt hàng: sò điệp giảm 54%, cua giảm 44%, tôm giảm 14%, cá hồi giảm 16,9%. Dù vậy, một số sản phẩm như cá thu đao Thái Bình Dương và hải sản khô ghi nhận mức tiêu thụ tăng nhờ giá hợp lý và thời hạn bảo quản dài.

Tính chung, mức tiêu thụ hải sản bình quân đầu người tại Nhật đã giảm một nửa so với đầu những năm 2000, đặt ra thách thức lớn cho ngành thủy sản và đe dọa bản sắc ẩm thực truyền thống của quốc gia này.



Tham khảo: Vasep



Thủy sản

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

Nhật Bản đặt mục tiêu xuất khẩu thủy sản đạt 7,8 tỷ USD vào năm 2030

Ngày 30/5/2025, Chính phủ Nhật Bản đã phê duyệt chiến lược quốc gia sửa đổi nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, đặt mục tiêu xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 7,8 tỷ USD vào năm 2030, tăng mạnh so với mức khoảng 2,56 tỷ USD năm 2024. Đây là một phần trong kế hoạch tổng thể hướng tới kim ngạch 35,5 tỷ USD cho toàn ngành nông sản – thực phẩm vào cuối thập kỷ này.

Theo chiến lược mới, sò điệp, cá cam, cá tráp đỏ và hàu được xác định là nhóm sản phẩm chiến lược. Riêng sò điệp – mặt hàng xuất khẩu lớn nhất – dự kiến tăng từ 619 triệu USD năm 2024 lên 983 triệu USD năm 2030, trong đó xuất khẩu sang Mỹ đạt khoảng 216 triệu USD và sang Trung Quốc khoảng 204 triệu USD. Sau khi Trung Quốc dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu hải sản Nhật Bản, Tokyo kỳ vọng mở rộng mạnh thị trường này.

Chính phủ Nhật Bản cũng đặt mục tiêu tăng số cơ sở chế biến được cấp phép xuất khẩu, thúc đẩy sản xuất đạt chuẩn nuôi trồng bền vững, đồng thời thành lập hiệp hội xuất khẩu hàu chuyên dụng, nhằm củng cố vị thế của thủy sản Nhật Bản trên thị trường quốc tế.

Tham khảo: Vasep



Tin liên quan



Thủy sản

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ 2026

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản năm 2026 được dự báo duy trì đà tăng nhẹ. Nhu cầu nhập khẩu tại Nhật được hỗ trợ bởi sự phục hồi của đồng yên và các doanh nghiệp chế biến thực phẩm tăng nhập nguyên liệu từ Việt Nam. Các sản phẩm chủ lực như tôm, cá ngừ và mực – bạch tuộc dự kiến tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, trong đó nhóm sản phẩm chế biến sâu và tiện lợi có tiềm năng tăng trưởng tốt nhờ phù hợp xu hướng tiêu dùng tại thị trường này.

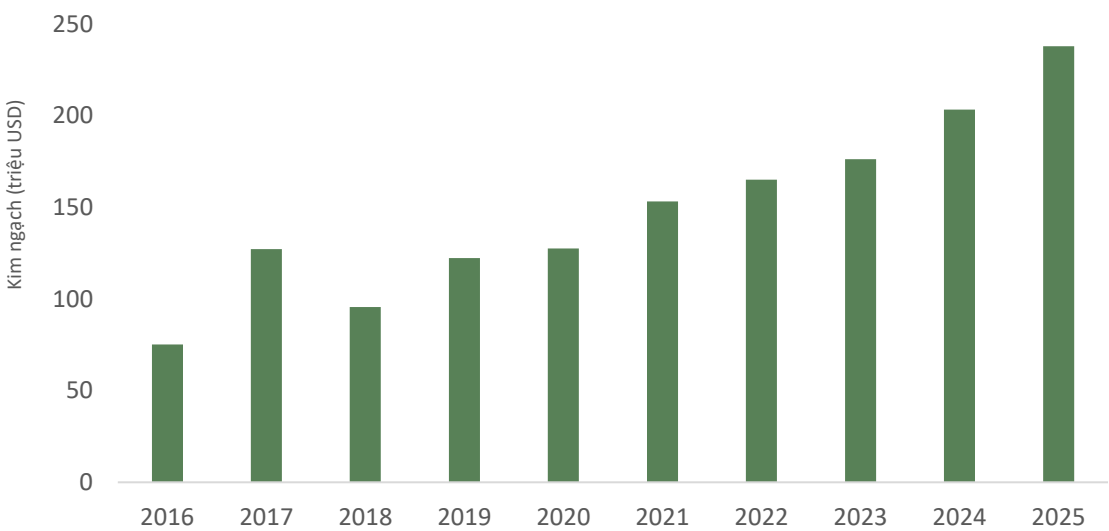
Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng năm 2026 vẫn thận trọng do cạnh tranh về giá, chi phí logistics và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm ngày càng nghiêm ngặt. Do đó, nâng cao giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm chế biến và củng cố thương hiệu “thủy sản sạch” sẽ là hướng đi cần thiết để duy trì tăng trưởng bền vững tại thị trường Nhật Bản.





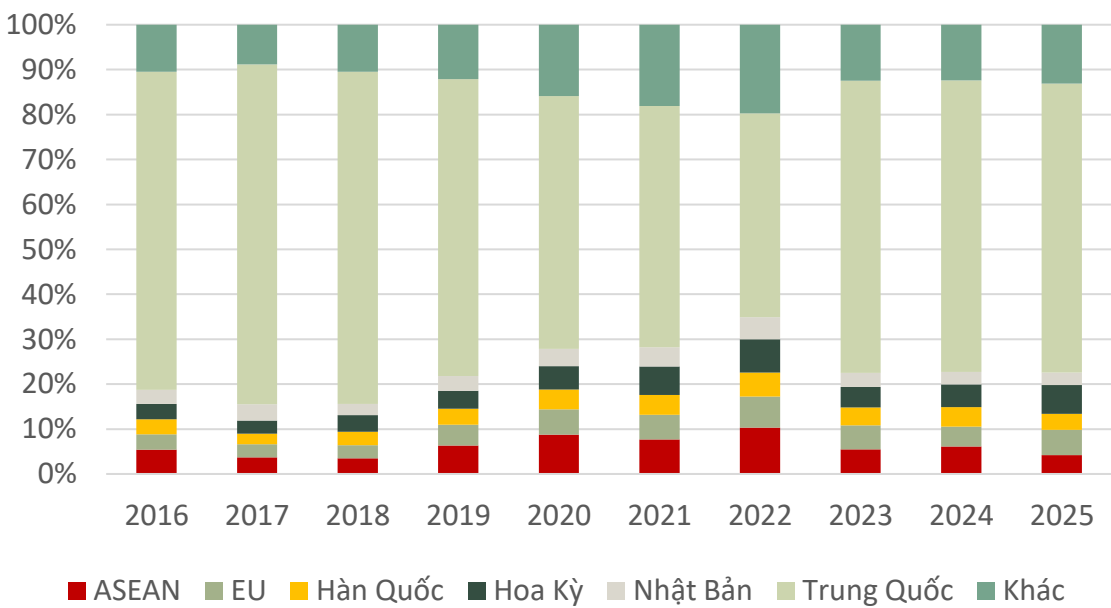
RAU QUẢ

Kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2016-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2016-2025



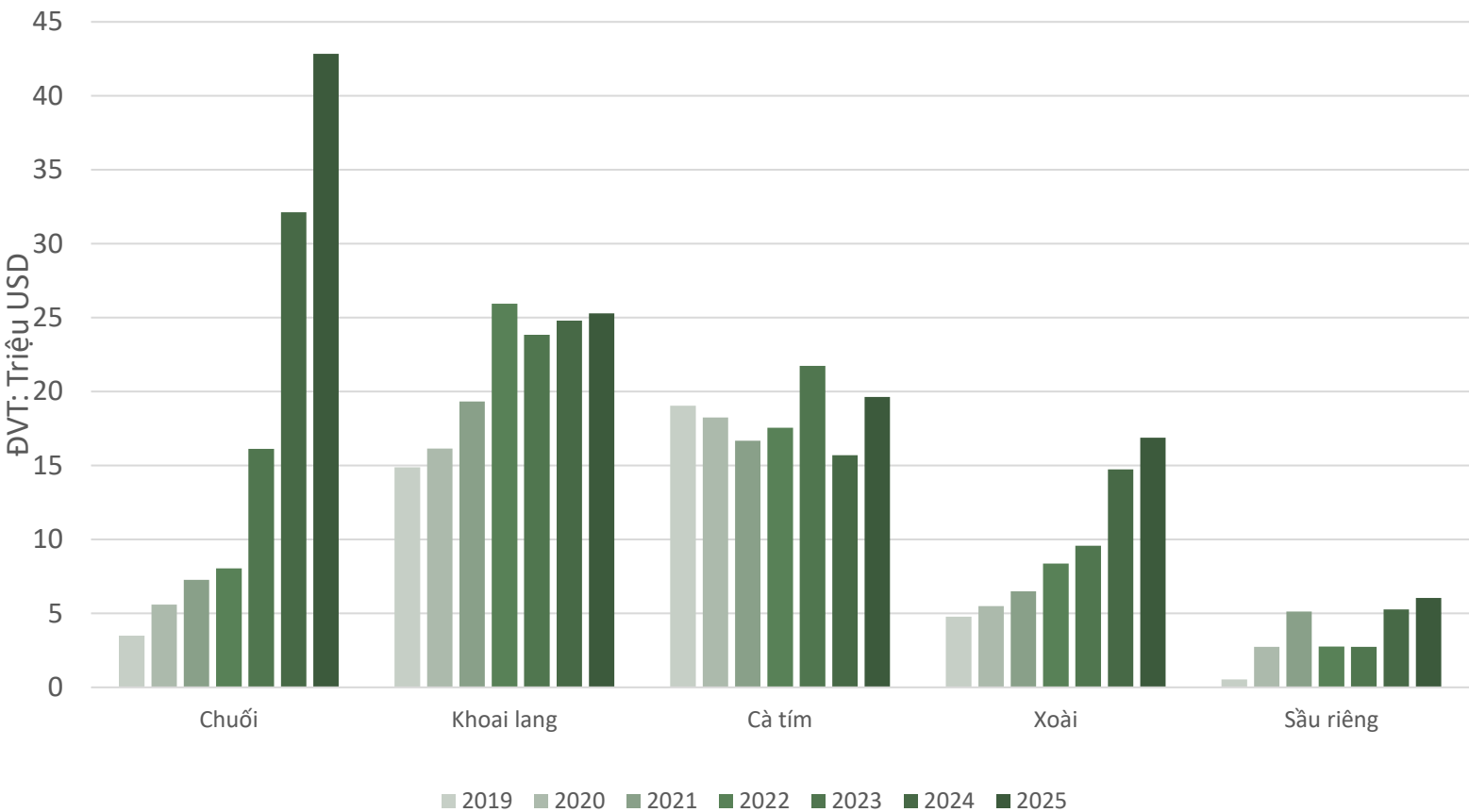
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- ❖ Trong giai đoạn 2016-2025, xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản tăng trưởng khá đều qua các năm, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép đạt **13,7%/năm**. Trong năm 2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt **238,0 triệu USD**, chiếm 2,8% thị phần, **tăng 17,1%** so với năm 2024.
- ❖ Xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2016-2025 luôn chiếm tỷ trọng từ **2,5%** đến **4,9%** thị phần trong tổng giá trị xuất khẩu của toàn ngành rau quả.



RAU QUẢ

Kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam phân theo chủng loại chính sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019-2025



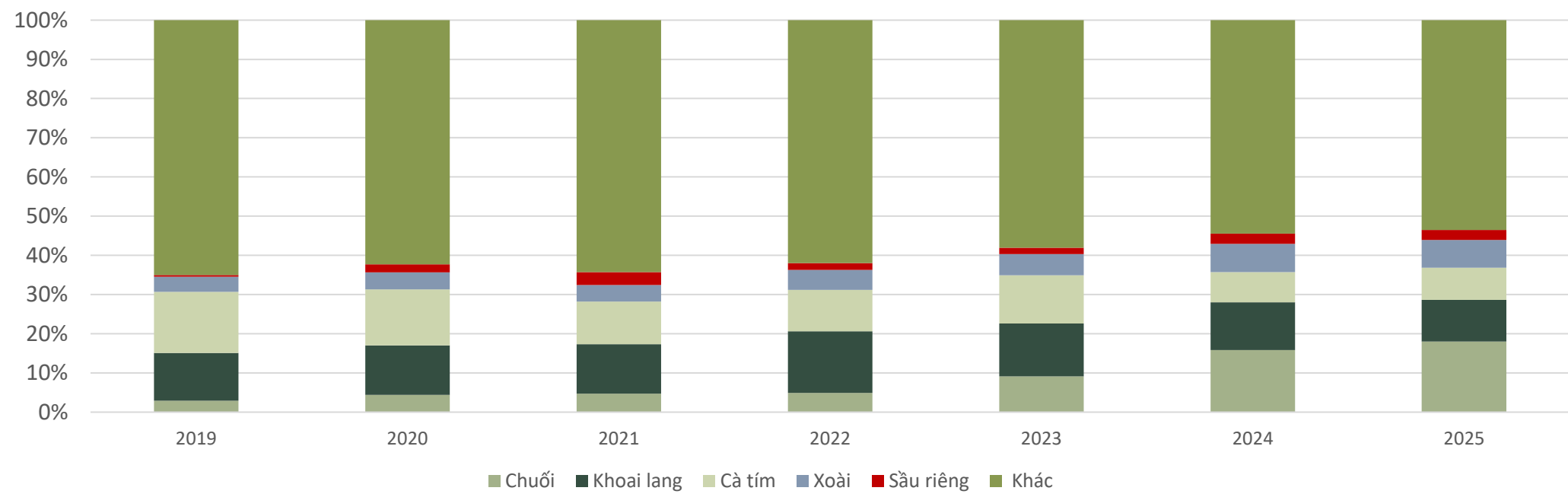
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- ❖ Chuối, khoai lang, cà tím, xoài và sầu riêng là các mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2019-2025.
- ❖ **Chuối:** kim ngạch xuất khẩu trong năm 2025 đạt gần **42,8 triệu USD**, chiếm **18,0%** thị phần, **tăng 33,3%** so với năm 2024.
- ❖ **Khoai lang:** đạt gần **25,3 triệu USD**, chiếm **10,6%**, **tăng 2,0%** so với năm 2024.
- ❖ **Cà tím:** đạt **19,6 triệu USD**, chiếm **8,2%**, **tăng 25,2%** so với năm 2024.
- ❖ **Xoài:** đạt **16,9 triệu USD**, chiếm **7,1%**, **tăng 14,6%** so với năm 2024.
- ❖ **Sầu riêng:** đạt **6,1 triệu USD**, chiếm **2,5%**, **tăng 15,0%** so với năm 2024.



RAU QUẢ

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019-2025



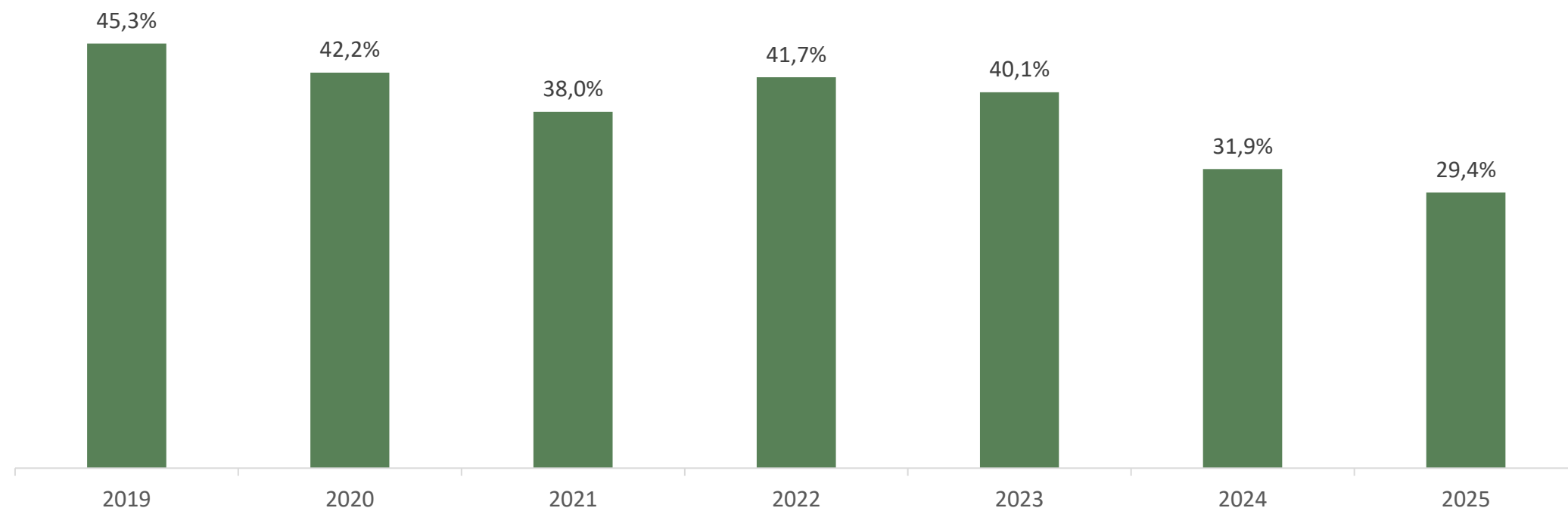
- Tỷ trọng xuất khẩu chuối tăng liên tục trong giai đoạn 2019–2025, từ 2,9% năm 2019 lên 18,0% trong năm 2025, cho thấy xu hướng mở rộng mạnh mẽ của mặt hàng này tại thị trường Nhật.
- Khoai lang duy trì tỷ trọng ổn định quanh mức 12–15% trong giai đoạn 2019-2022, sau đó có xu hướng giảm;
- Tỷ trọng cà tím có xu hướng giảm dần từ 15,6% năm 2019 xuống 8,2% trong năm 2025.
- Tỷ trọng xoài tăng nhẹ, còn sầu riêng có dấu hiệu mở rộng thị phần nhưng vẫn ở mức thấp (từ 0,4% năm 2019 lên 2,5% năm 2025).

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ

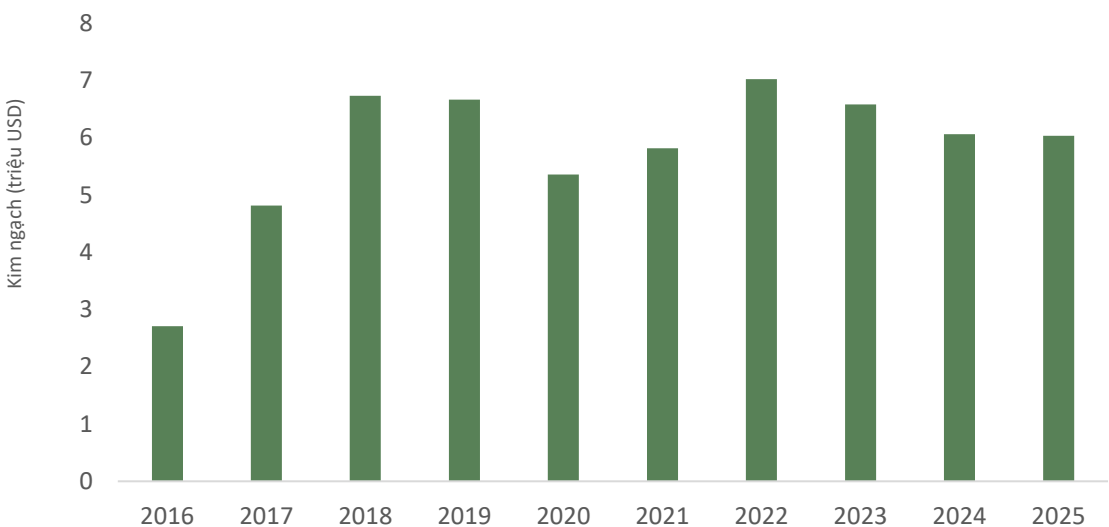
Biến động tỷ trọng tổng kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019-2025





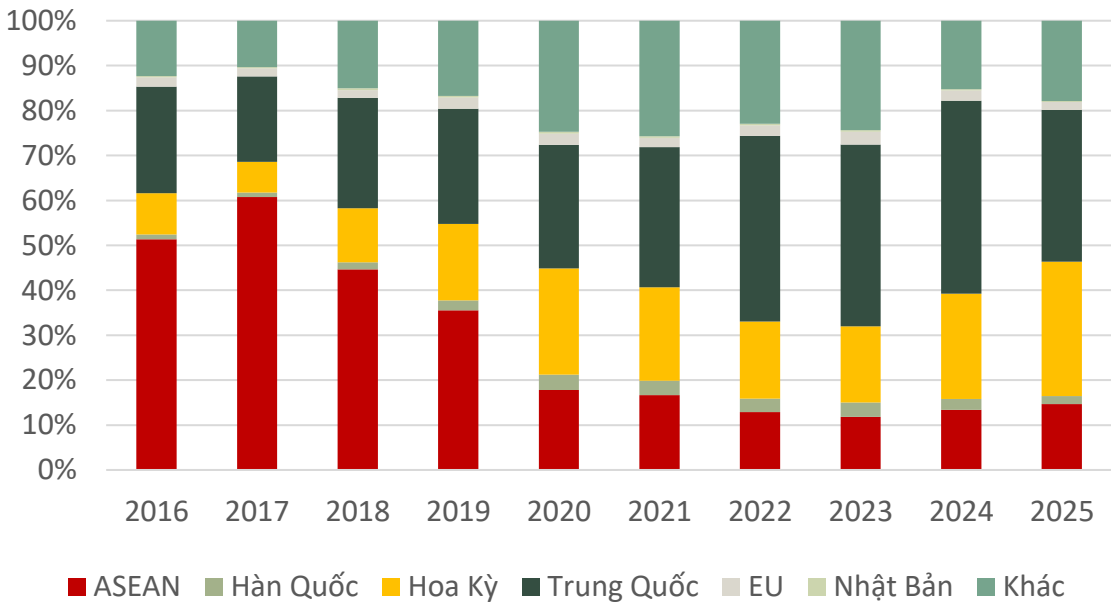
RAU QUẢ

Kim ngạch nhập khẩu rau quả Việt Nam từ thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2016-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2016-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- ❖ Kim ngạch nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản có xu hướng tăng trong các năm trong giai đoạn 2016-2022, sau đó có xu hướng giảm dần, với CAGR đạt 9,3%/năm trong giai đoạn 2016-2025. Năm 2025, kim ngạch nhập khẩu rau quả Việt Nam từ thị trường Nhật Bản đạt 6,0 triệu USD, chiếm 0,2% thị phần, giảm 0,4% so với năm 2024.
- ❖ Nhập khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2016-2025 chỉ chiếm tỷ trọng từ 0,2% đến 0,4% tổng giá trị nhập khẩu của toàn ngành rau quả.

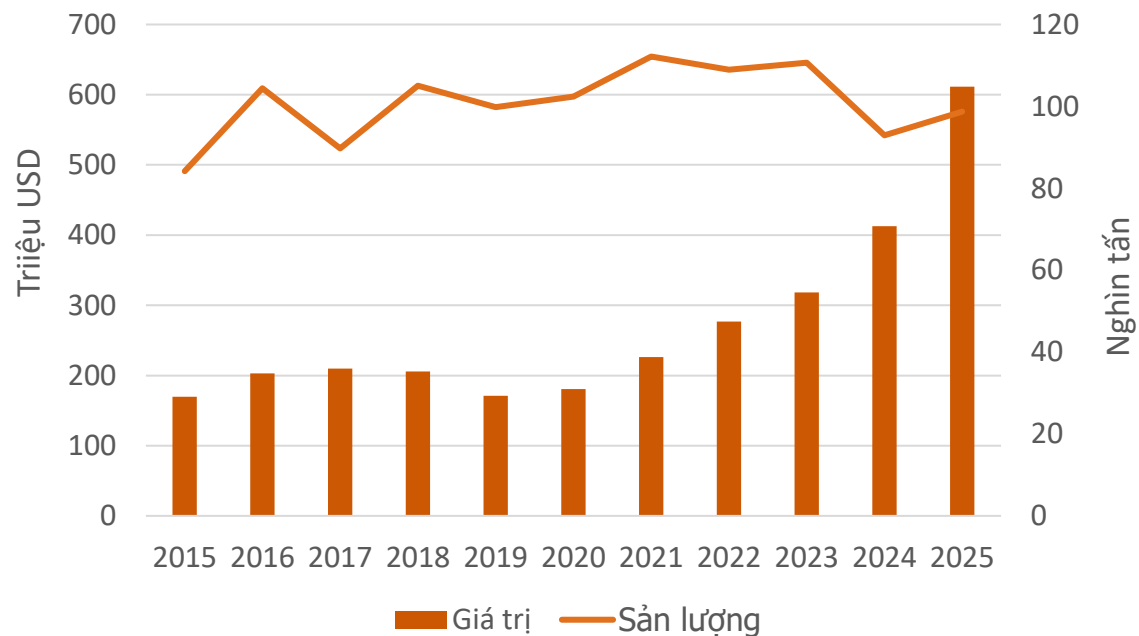


Trong 5 năm qua, xuất khẩu chuối của Việt Nam sang Nhật Bản đã tăng trưởng mạnh mẽ, trở thành một điểm sáng của ngành rau quả. Năm 2024, lượng chuối Việt xuất sang Nhật đạt khoảng 33.000 tấn, tăng gần 14 lần so với năm 2019, đưa thị phần từ 0,2% lên 3,2%. Đáng chú ý, tháng 7/2025, sản lượng chuối xuất sang khu vực Tokyo đã tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Sự bứt phá này đến từ nhiều yếu tố thuận lợi, trong đó nổi bật là lợi thế thuế quan từ Hiệp định CPTPP – hiện thuế nhập khẩu chuối Việt Nam vào Nhật chỉ còn 5,4% và sẽ được xóa bỏ hoàn toàn vào năm 2028. Bên cạnh đó, Việt Nam có chi phí canh tác thấp, vị trí địa lý gần Nhật Bản hơn so với các nước xuất khẩu lớn như Ecuador hay Mexico, giúp giảm chi phí logistics và giá thành cạnh tranh. Chất lượng chuối ổn định, mẫu mã đẹp và giá hợp lý cũng khiến người tiêu dùng Nhật ngày càng ưa chuộng. Trong khi đó, chuối Philippines – nguồn cung truyền thống của Nhật – đang dần mất thị phần do thuế suất cao hơn (dao động 8–18%). Hiện Việt Nam có khoảng 154.000 ha trồng chuối già Cavendish, chiếm hơn 6% tổng diện tích chuối Cavendish toàn cầu. Với đà tăng trưởng này cùng ưu thế về chi phí và thuế quan, chuối Việt Nam đang dần khẳng định vị thế tại thị trường Nhật Bản và được kỳ vọng sẽ trở thành một trong những nguồn cung quan trọng của quốc gia này trong những năm tới.

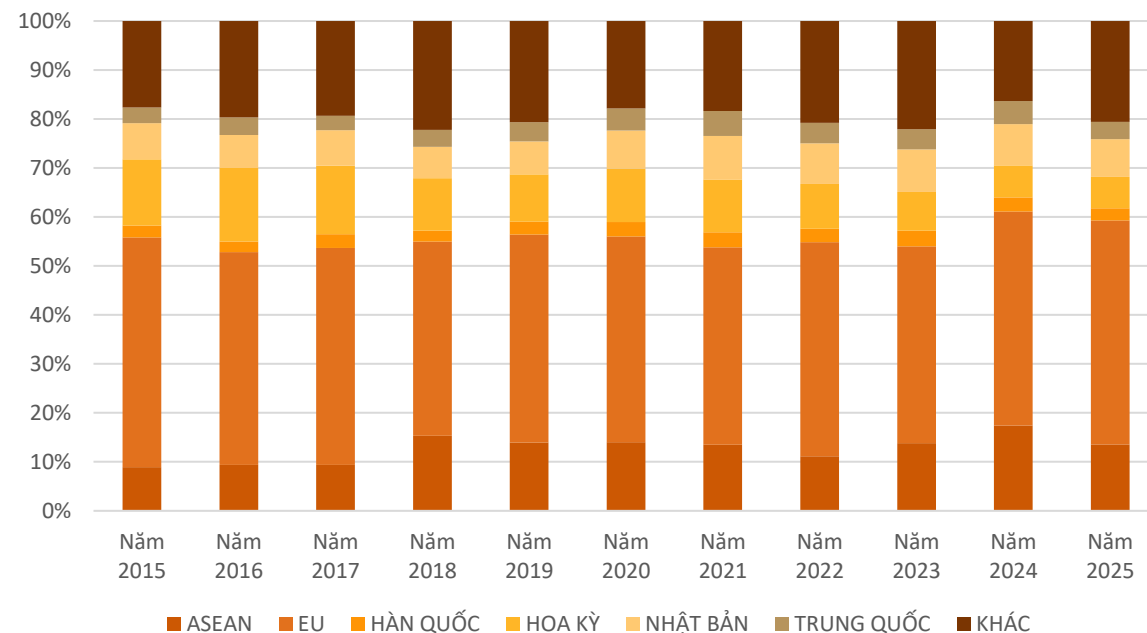


CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản , giai đoạn 2015- 2025



Biến động tỷ trọng giá trị cà phê sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2015 - 2025

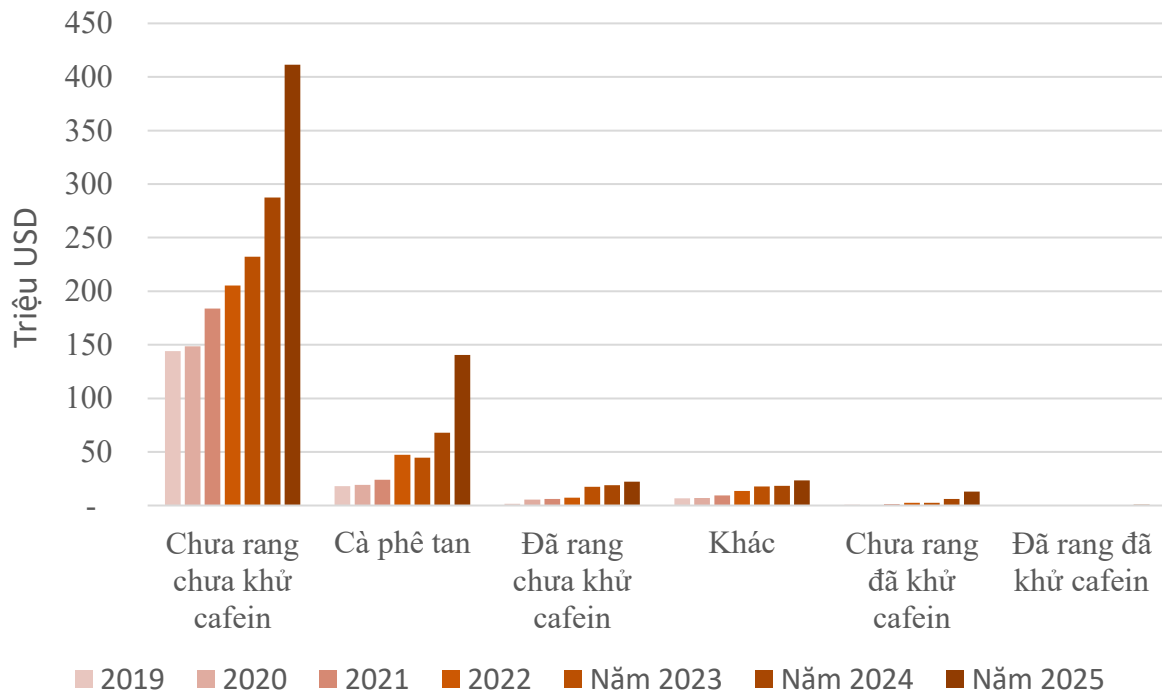


- Năm 2025, xuất khẩu cà phê sang Nhật đạt 98,7 nghìn tấn với giá trị 611,3 triệu USD, tăng 6,2% về lượng, và tăng 48,1% về giá trị so với năm 2024.
- Giai đoạn 2015- 2025, lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang Nhật Bản tăng trung bình 1,6%/năm và 13,7%/năm.
- Trong giai đoạn 2015 - 2025, tỷ trọng giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản tăng từ mức 7,7% năm 2015 lên mức 7,7% năm 2024.

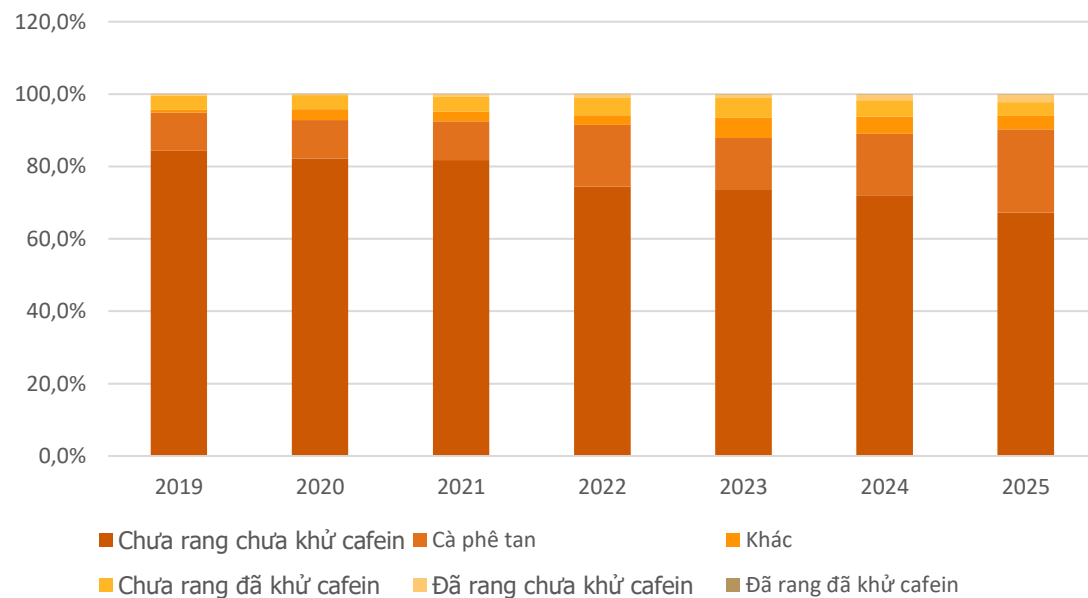


CÀ PHÊ

Kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản , giai đoạn 2015- 2025



Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản , giai đoạn 2015- 2025



Cà phê chưa rang, chưa khử caffein là sản phẩm chủ yếu xuất khẩu tại Nhật Bản

Tỷ trọng xuất khẩu

- Cà phê chưa rang, chưa khử caffein chiếm **67,3%** tổng giá trị xuất khẩu cà phê sang Nhật Bản (2024).

Tăng trưởng ổn định

- Giai đoạn **2019-2024**, tốc độ tăng trưởng đạt **19,1%/năm**.

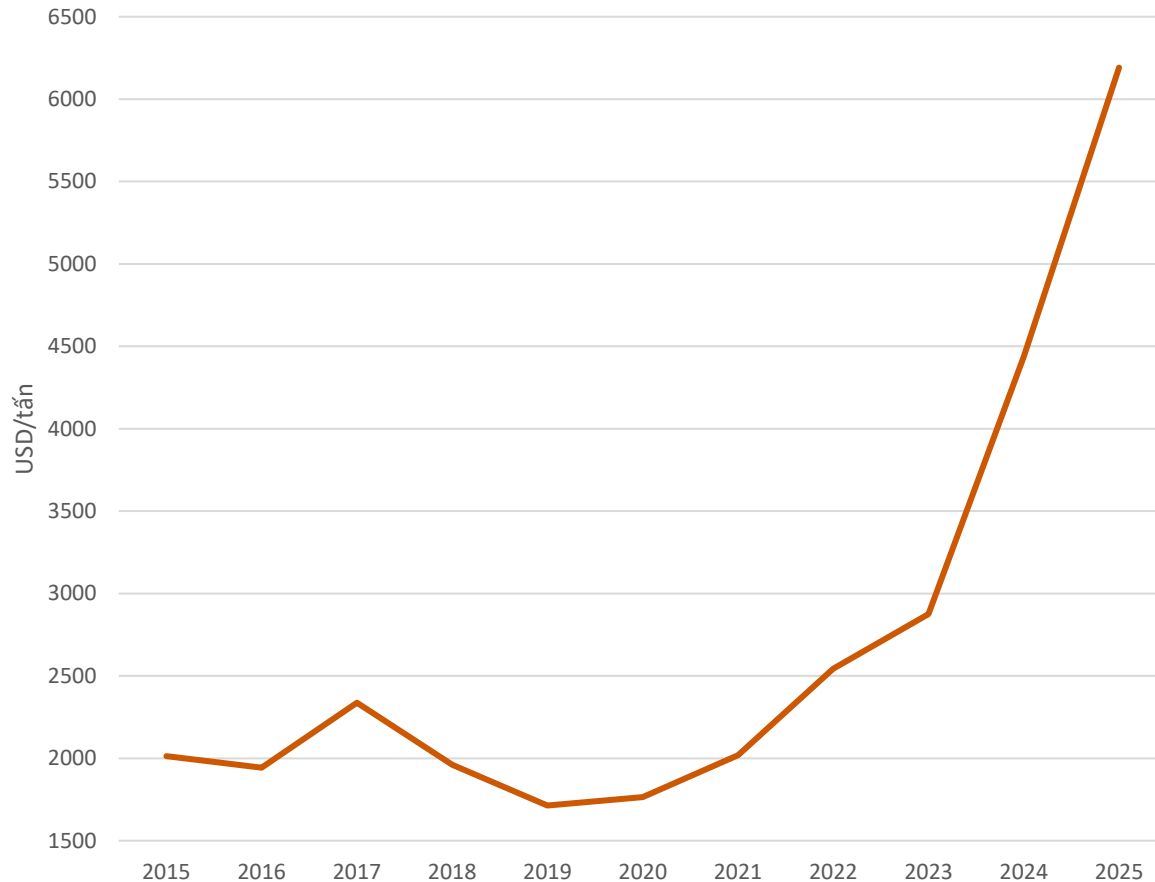
Giá trị xuất khẩu 2024

- Đạt **411,3 triệu USD**, tăng **43%** so với cùng kỳ **2023**.



CÀ PHÊ

Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang
thị trường Nhật Bản theo Quý, giai đoạn 2015 - 2025



Giá cà phê xuất khẩu sang Nhật Bản – giữ đà tăng trưởng từ năm 2020 đến nay



Tăng trưởng bình quân

- Giai đoạn **2015-2025**, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang Nhật Bản tăng trưởng ▲ **11,9%/năm**.



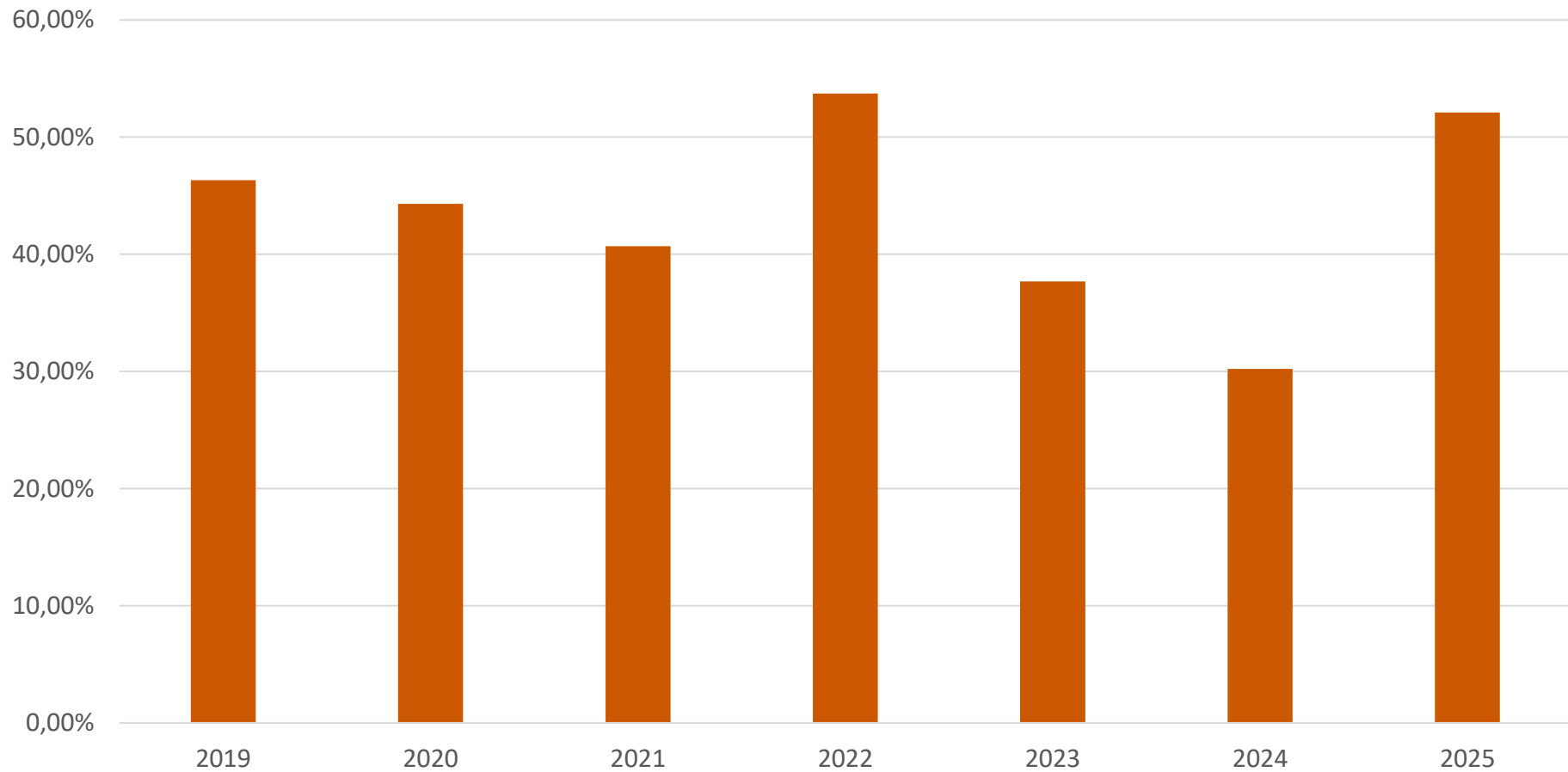
Năm 2025

- Giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt **6.191 USD/tấn**, ▲ **39,5%** so với cùng kỳ 2025.



CÀ PHÊ

Biến động tỷ trọng tổng kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019-2025



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ NHẬT BẢN



Thị trường cà phê Nhật Bản năm 2025 dự kiến sẽ đạt tổng doanh thu 33,05 tỷ USD, bao gồm 5,59 tỷ USD từ tiêu dùng tại nhà (chủ yếu qua siêu thị và cửa hàng tiện lợi) và 27,45 tỷ USD từ tiêu dùng ngoài gia đình (tại nhà hàng, quán bar). Tuy nhiên, doanh thu từ cà phê tại nhà dự kiến sẽ giảm trung bình 3,34% mỗi năm trong giai đoạn 2025-2029. Bình quân mỗi người tiêu dùng khoảng 45,87 USD cho cà phê tại nhà trong năm 2025.

Về sản lượng, lượng cà phê tiêu thụ tại nhà được dự báo đạt 184,90 triệu kg, trong khi tiêu thụ ngoài gia đình ước tính khoảng 38,86 triệu kg, nâng tổng sản lượng lên 223,70 triệu kg trong năm 2025. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ cà phê tại nhà có thể giảm 4,4% vào năm 2026. Trung bình, mỗi người sẽ tiêu thụ khoảng 1,52 kg cà phê tại nhà trong năm 2025.

Nguồn: Statista (01/2025)





Thị trường cà phê và trà capsule tại Nhật Bản đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, dự kiến tăng từ 1,57 tỷ USD năm 2025 lên 3,62 tỷ USD năm 2033, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt 9,7%. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng đối với các sản phẩm tiện lợi, dễ pha chế nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và hương vị. Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng chuyển dịch rõ rệt sang các sản phẩm cao cấp như cà phê đặc sản, trà hữu cơ và các hương vị phong phú hơn, góp phần mở rộng phạm vi lựa chọn của người tiêu dùng Nhật Bản.

Sự phát triển về công nghệ và thiết kế capsule cũng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là việc ứng dụng các vật liệu sinh học, tái chế và cải tiến chức năng của máy pha giúp khách hàng tăng trải nghiệm. Ý thức bảo vệ môi trường của người Nhật Bản ngày càng cao, khiến các thương hiệu chú trọng hơn đến yếu tố bền vững trong thiết kế và sản xuất. Đồng thời, hệ thống phân phối cũng được mở rộng mạnh mẽ từ các cửa hàng chuyên dụng sang siêu thị, cửa hàng tiện lợi và đặc biệt là các nền tảng thương mại điện tử, mang lại sự tiện lợi và tiếp cận dễ dàng hơn cho người tiêu dùng.

Thị trường hiện đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu quốc tế lớn như Nespresso, Keurig, UCC và các thương hiệu nội địa. Tất cả đều tập trung đầu tư đổi mới sản phẩm, marketing và phát triển kênh phân phối nhằm giành thị phần. Với tiềm năng phát triển mạnh và nhu cầu thị trường đang gia tăng nhanh chóng, đây là cơ hội hấp dẫn cho các doanh nghiệp mới và startup, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến phát triển sản phẩm capsule thân thiện với môi trường và mô hình kinh doanh trực tuyến.

Nguồn: newscast.jp





Hiệp hội Cà phê Đặc sản Nhật Bản (SCAJ) và Hiệp hội Cà phê Đặc sản Quốc tế (SCA) đã ký Biên bản ghi nhớ (MoU) tại Hội nghị SCAJ ở Tokyo nhằm thúc đẩy hợp tác toàn cầu trong giáo dục cà phê đặc sản. Thỏa thuận tập trung vào việc mở rộng chương trình Đánh giá Giá trị Cà phê (CVA) và chương trình Q Program tại Nhật Bản, giúp chuẩn hóa đào tạo chuyên môn theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hai bên cam kết xây dựng mạng lưới giảng viên CVA, tăng cường cơ hội đào tạo cho các chuyên gia trong chuỗi giá trị cà phê, đồng thời nâng cao nhận thức và hiểu biết về chất lượng cà phê đặc sản. Theo lãnh đạo SCAJ và SCA, sự hợp tác này sẽ góp phần phát triển cộng đồng cà phê toàn cầu, đồng thời đầu tư vào nguồn nhân lực định hình tương lai của ngành cà phê.





Theo báo cáo của IMARC Group (2025), thị trường cà phê hòa tan Nhật Bản đạt quy mô 867,3 triệu USD năm 2024 và dự kiến tăng lên 1,3729 tỷ USD vào năm 2033, với tốc độ tăng trưởng trung bình (CAGR) 4,7%/năm giai đoạn 2025–2033. Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng chính gồm:

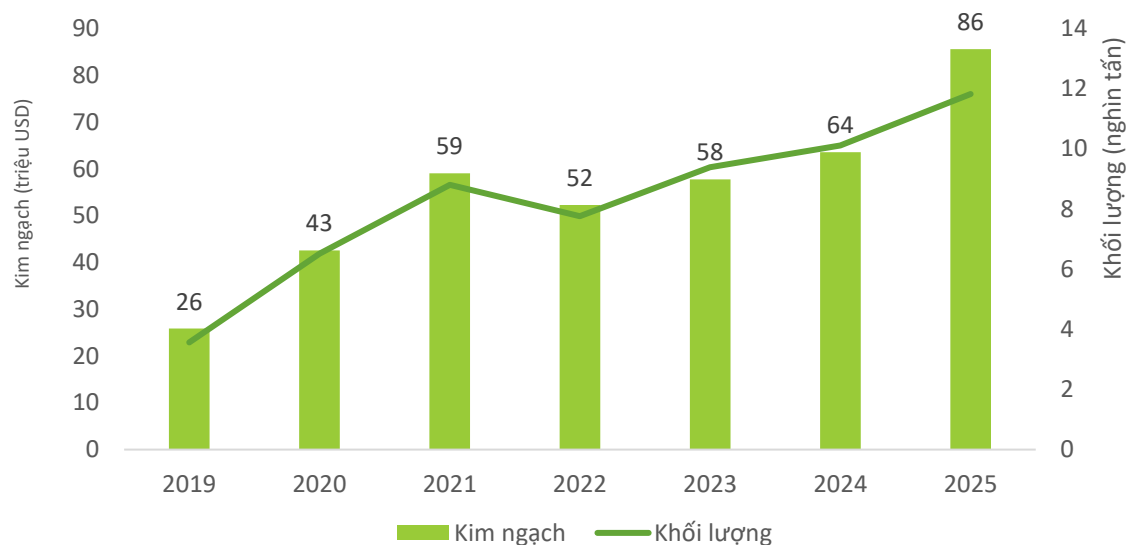
- Nhu cầu tiện lợi: Người tiêu dùng, đặc biệt là nhân viên văn phòng và sinh viên, ưa chuộng sản phẩm pha nhanh phù hợp với lối sống bận rộn.
- Xu hướng cao cấp hóa: Cà phê hòa tan được cải tiến về hương vị, chất lượng, bao bì và trở thành lựa chọn “gourmet” cho giới trẻ yêu thích trải nghiệm cà phê tinh tế.
- Ý thức sức khỏe: Sự quan tâm đến cà phê hữu cơ, ít caffeine, hoặc giàu chất chống oxy hóa gia tăng, phù hợp với xu hướng sống lành mạnh và bền vững.





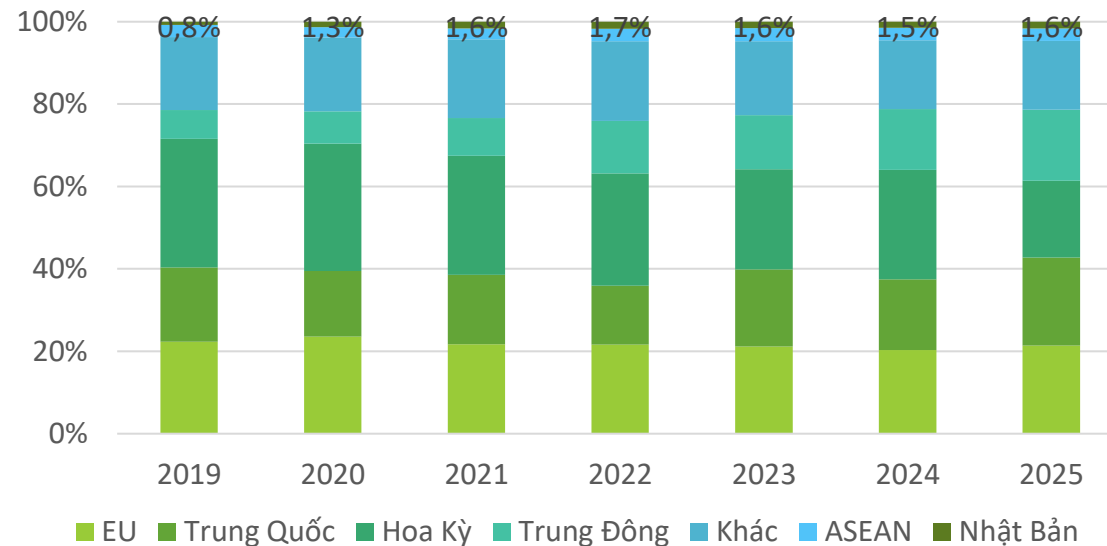
ĐIỀU

Kim ngạch và khối lượng xuất khẩu điều Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, 2019 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu điều của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, 2019 - 2025



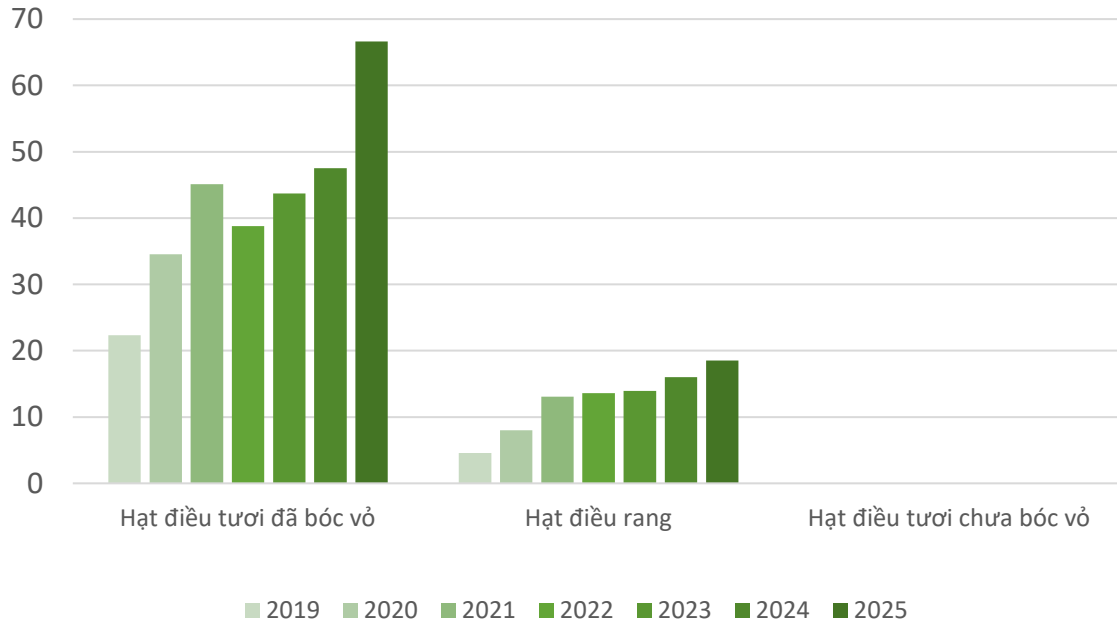
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Trong giai đoạn 2019-2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản có xu hướng tăng ổn định, phản ánh sự mở rộng nhu cầu tiêu thụ hạt điều tại Nhật Bản nhờ yếu tố sức khỏe và lối sống lành mạnh.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 25,86 triệu USD năm 2019 lên 85,60 triệu USD năm 2025, tương đương mức tăng trưởng bình quân khoảng 22%/năm. Mặc dù kim ngạch có sự điều chỉnh giảm trong năm 2022 do tác động của bối cảnh kinh tế toàn cầu, xu hướng chung vẫn là phục hồi và tăng trở lại trong các năm sau. Riêng năm 2025, kim ngạch đạt 85,60 triệu USD, tăng khoảng 34,7% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong toàn bộ giai đoạn 2019-2025, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của thị trường Nhật Bản đối với xuất khẩu hạt điều Việt Nam.
- Về khối lượng, xuất khẩu hạt điều sang Nhật Bản tăng khá rõ rệt, từ 3,56 nghìn tấn năm 2019 lên 11,82 nghìn tấn năm 2025, tương ứng với tốc độ tăng trưởng bình quân xấp xỉ 22%/năm. Sau giai đoạn giảm nhẹ năm 2022, khối lượng xuất khẩu nhanh chóng phục hồi và tăng liên tục trong các năm 2023-2025. Năm 2025, sản lượng đạt 11,82 nghìn tấn, tăng khoảng 16,9% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong giai đoạn nghiên cứu, phản ánh cả sự gia tăng nhu cầu nhập khẩu của Nhật Bản lẫn năng lực cung ứng ngày càng ổn định của hạt điều Việt Nam.



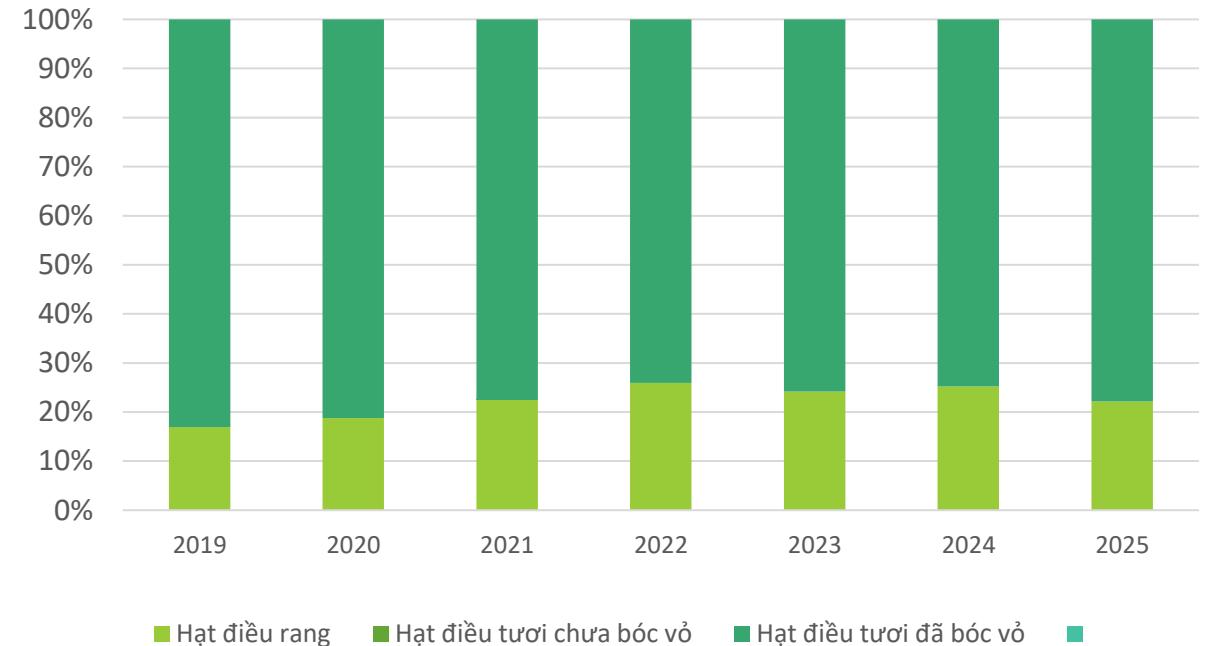
ĐIỀU

Kim ngạch xuất khẩu điều Việt Nam phân theo chủng loại chính sang thị trường Nhật Bản, 2019-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, 2019-2025

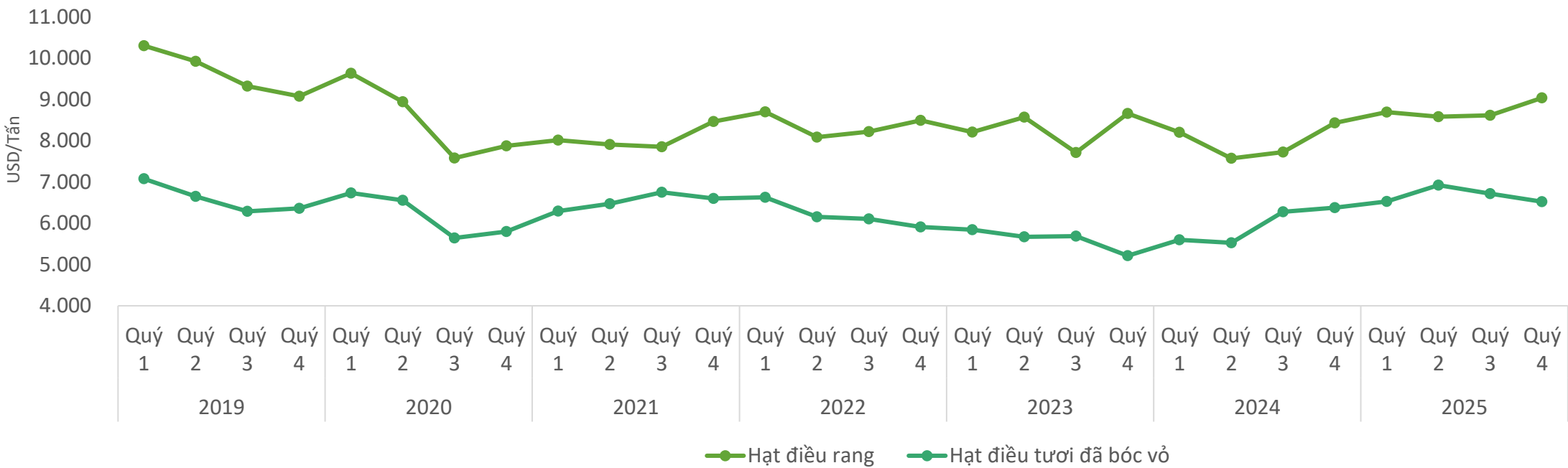


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Trong giai đoạn 2019-2025, hạt điều tươi đã bóc vỏ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, chiếm tỷ trọng trung bình 77,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu các loại hạt điều. Hạt điều rang là mặt hàng đứng thứ hai, chiếm tỷ trọng trung bình 22,2%, trong khi các loại hạt điều khác gần như không đáng kể (dưới 0,001%).
- Kim ngạch xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ có xu hướng tăng mạnh nhưng không ổn định trong giai đoạn 2019-2025. Từ 22,34 triệu USD năm 2019, kim ngạch tăng liên tục lên 45,1 triệu USD năm 2021, sau đó giảm nhẹ vào năm 2022 do nhu cầu tiêu dùng chững lại. Đến năm 2025, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 66,6 triệu USD, tăng 40,2% so với năm 2024 (47,51 triệu USD) và tăng 52,4% so với năm 2023 (43,70 triệu USD). Đây là mức cao nhất trong giai đoạn 2019-2025, khẳng định vị thế vững chắc của sản phẩm này tại thị trường Nhật Bản.



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản theo quý, 2019 - 2025



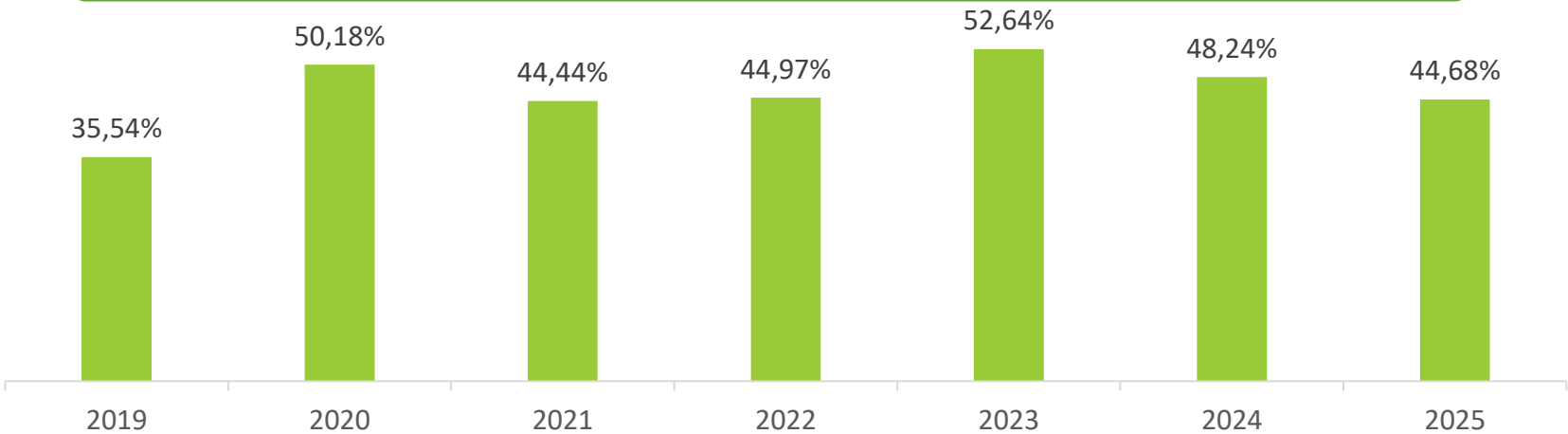
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Trong giai đoạn 2019-2025, giá trung bình của các chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản nhìn chung có xu hướng giảm dần, phản ánh sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và biến động nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này.
- Mức giá trung bình cao nhất được ghi nhận vào quý I/2019 và quý I/2020, lần lượt đạt 10.299 USD/tấn đối với hạt điều rang và 7.075 USD/tấn đối với hạt điều tươi đã bóc vỏ. Từ năm 2023 đến 2025, giá điều có dấu hiệu ổn định và tăng nhẹ trở lại.
- Năm 2025, giá trung bình hạt điều rang đạt khoảng 8.699 USD/tấn, tăng 8,8% so với mức trung bình năm 2024 (8.428 USD/tấn). Đối với hạt điều tươi đã bóc vỏ, giá trung bình đạt khoảng 6.682 USD/tấn, tăng 12,1% so với năm 2024 (6.376 USD/tấn).

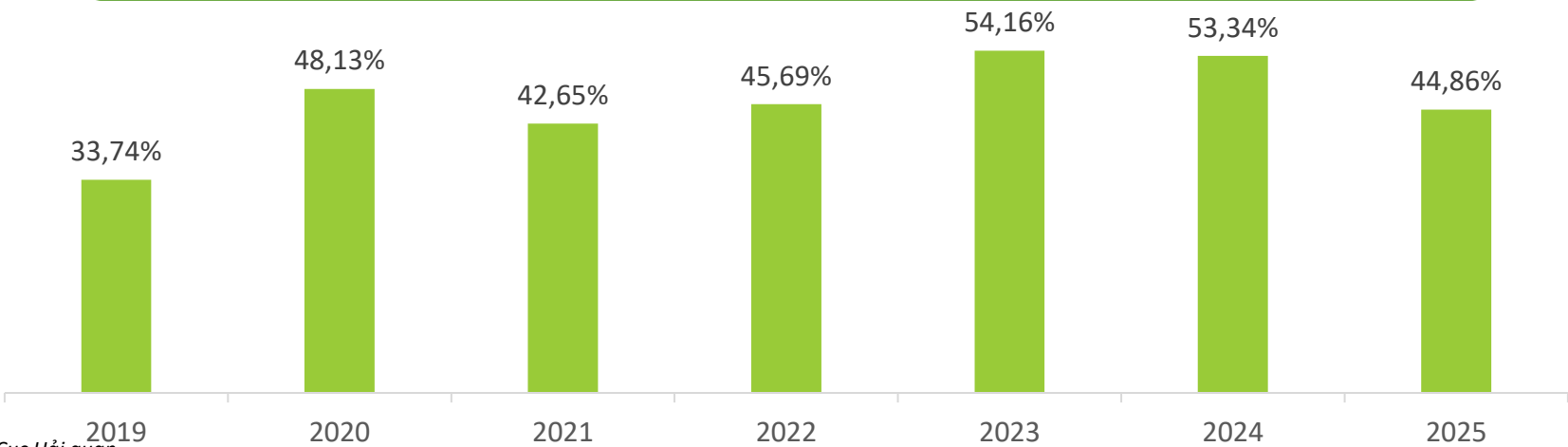


ĐIỀU

Biến động tỷ trọng tổng kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu điều sang thị trường Nhật Bản, 2019-2025



Biến động tỷ trọng tổng Khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu điều sang thị trường Nhật Bản, 2019-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



Hạt điều Campuchia phủ sóng 16.000 cửa hàng tại Nhật Bản

Ngày 05/7/2025, trong khuôn khổ sự kiện “Ngày Quốc gia Campuchia” tại EXPO Osaka 2025, Tập đoàn MIRARTH Holdings ký Biên bản ghi nhớ (LOI) với Bộ Thương mại Campuchia, đồng thời ký thêm MOU và hợp đồng phân phối để đẩy mạnh hoạt động thương mại hạt điều. Đến ngày 03/9/2025, Bộ trưởng Campuchia làm việc với lãnh đạo Mirarth Energy Solutions, ITOCHU Corporation và các đối tác Nhật Bản tại Osaka. Hiện hạt điều Campuchia đã được bày bán tại 16.320 cửa hàng Family Mart trên toàn Nhật Bản, nhờ nỗ lực quảng bá của Bộ Thương mại Campuchia và các tập đoàn đối tác.

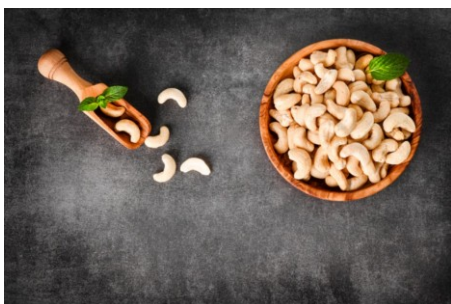
Ngày 01/10/2025, Bộ Thương mại tiếp tục làm việc với Inoue Calcium Corporation về kế hoạch mở rộng sản xuất, chế biến sâu hạt điều, sau khi doanh nghiệp này xuất khẩu thành công 1 tấn sản phẩm đầu tiên và dự kiến 2 container trong năm 2026. Theo Hiệp hội Hạt điều Campuchia, sản lượng và giá điều năm 2025 duy trì ổn định và khả quan, dù thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến chất lượng hạt.



Campuchia mở rộng hợp tác xuất khẩu hạt điều sang Nhật Bản

Ngày 20/01/2025, Bộ Thương mại Campuchia (MoC) và Tập đoàn Inoue Calcium Corporation (ICC) tổ chức cuộc họp tại Nhật Bản nhằm thảo luận tiềm năng xuất khẩu hạt điều Campuchia sang Nhật Bản. Cuộc họp có sự tham dự của Bộ trưởng Samheng Bora và Tổng Giám đốc Takashi Inoue, đánh dấu bước tiến quan trọng với chuyến hàng thử nghiệm đầu tiên từ Công ty Stung Treng sang Nhật Bản. Bộ Thương mại Campuchia cam kết hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy thương mại và phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là xây dựng thương hiệu hạt điều đạt chuẩn quốc tế. Trong cùng thời gian, đoàn công tác của Bộ cũng khảo sát thực tế tại AEON Mall và 7-Eleven Tokyo để tìm hiểu xu hướng tiêu dùng và khả năng thâm nhập thị trường Nhật Bản, chuẩn bị cho Triển lãm Thế giới Osaka 2025.

Nguồn: mainichi.jp



Doanh nghiệp Nhật Bản ký hợp đồng và đầu tư vào chế biến hạt điều Campuchia

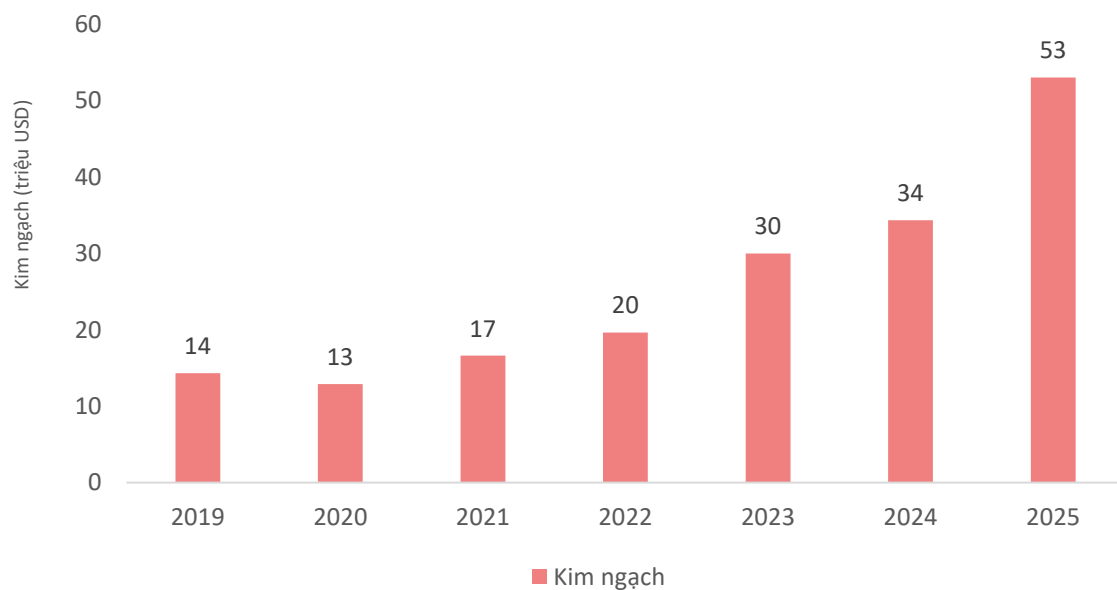
Ngày 26/3/2025, công ty MIRARTH Agri Tech Co., Ltd (Nhật Bản) ký hợp đồng mua 400 tấn hạt điều với ba hợp tác xã tỉnh Kampong Thom, trị giá 650.000 USD. Đây là lần đầu các hợp tác xã bán điều theo hợp đồng cố định, chiếm 20% sản lượng dự kiến năm 2025. Bộ Nông nghiệp Campuchia đánh giá mô hình này giúp giảm rủi ro biến động giá và ổn định thu nhập cho nông dân. Tiếp đó, ngày 10/5/2025, Phó Thủ tướng thường trực Vongsey Vissoth kêu gọi các công ty Nhật Bản mở rộng hợp tác, đầu tư chế biến và ký kết thỏa thuận mua hạt điều với nông dân. MIRARTH Agri Tech, hoạt động tại Kampong Thom từ năm 2021, đã nhận hỗ trợ của Chính phủ Úc và Nhật Bản trong việc thúc đẩy chế biến tại chỗ, bảo đảm giá công bằng và mở rộng thị trường quốc tế. Ngoài Nhật Bản là thị trường lớn nhất, công ty còn xuất khẩu sang EU, Singapore, Hồng Kông và Thái Lan.

Nguồn: thmeythmey.com



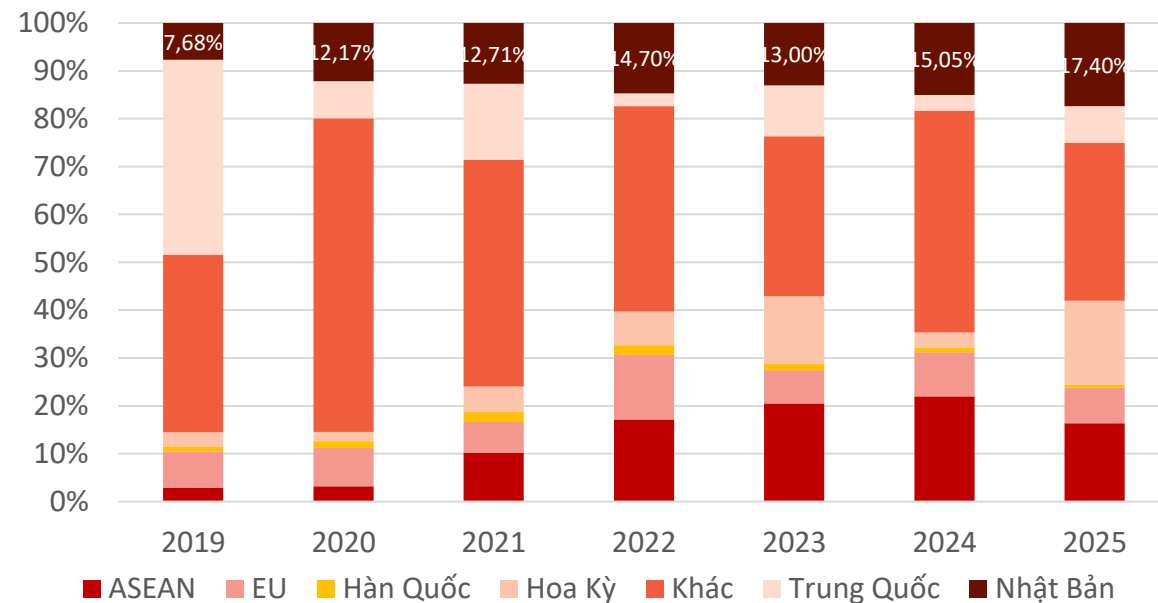
THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019-2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Trong giai đoạn 2019-2025, xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Nhật Bản có xu hướng tăng, tốc độ tăng trưởng kép đạt 24%/năm. Trong năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 53,4 triệu USD, tăng 54,4% so với năm 2024, tăng 77% so với năm 2023.
- Xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2019-2025 chiếm tỷ trọng từ 7,7% đến 17,4% thị phần trong tổng giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam.



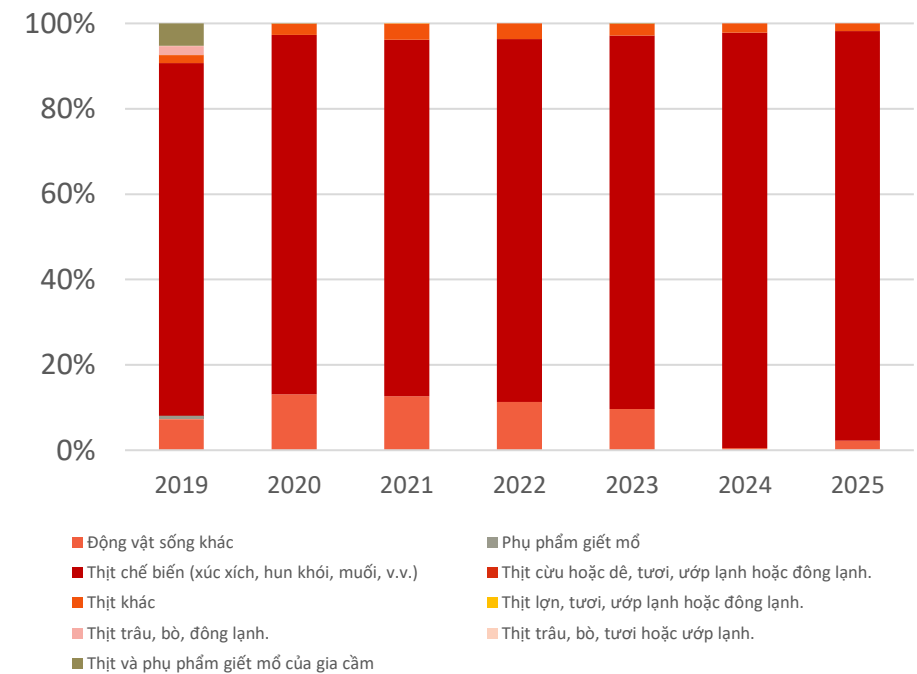
THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt phân theo chủng loại chính sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019 - 2025



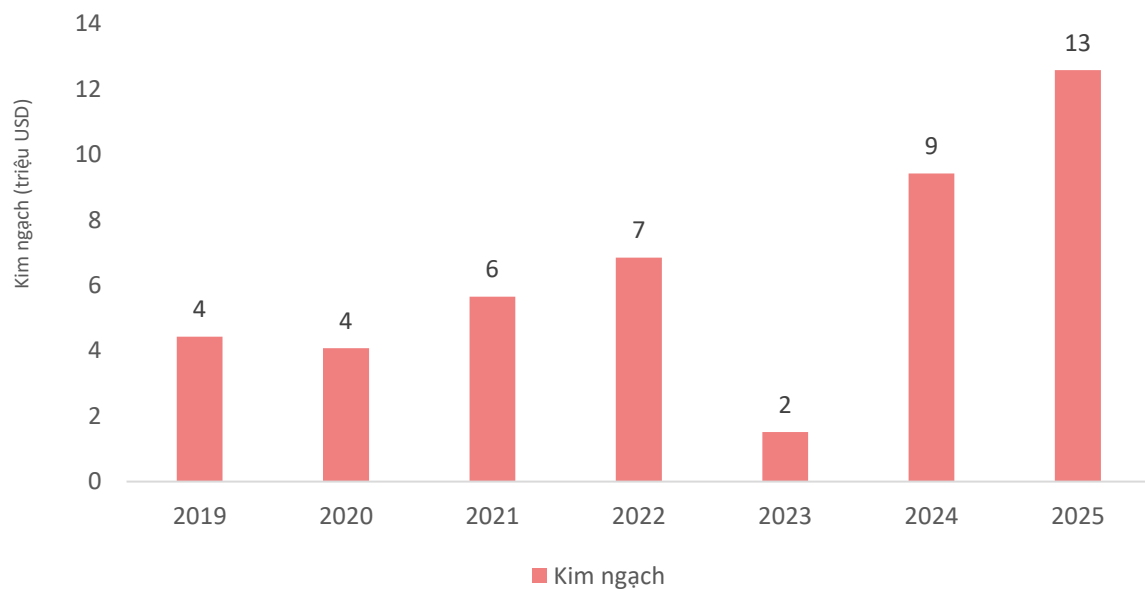
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Thịt chế biến, động vật sống khác là những mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2019 - 2025.
- Năm 2025, thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...) là sản phẩm xuất khẩu nhiều nhất sang Nhật Bản, kim ngạch đạt 37,8 triệu USD, chiếm 95,9% tổng kim ngạch thịt và sản phẩm từ thịt xuất khẩu sang Nhật Bản.



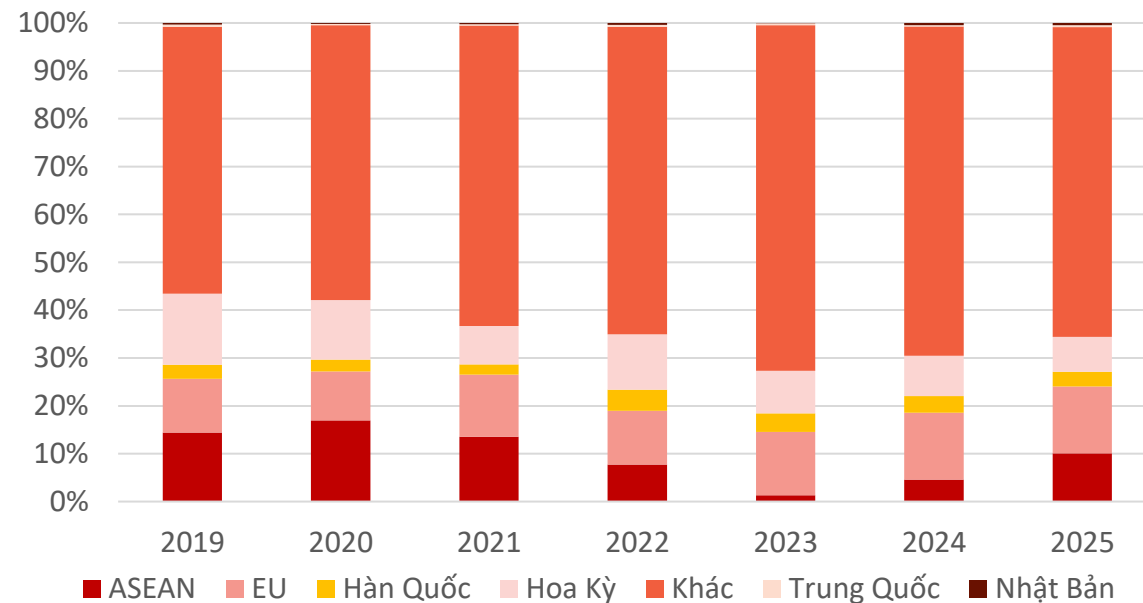
THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường ASEAN, giai đoạn 2019 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường ASEAN, giai đoạn 2019 - 2025



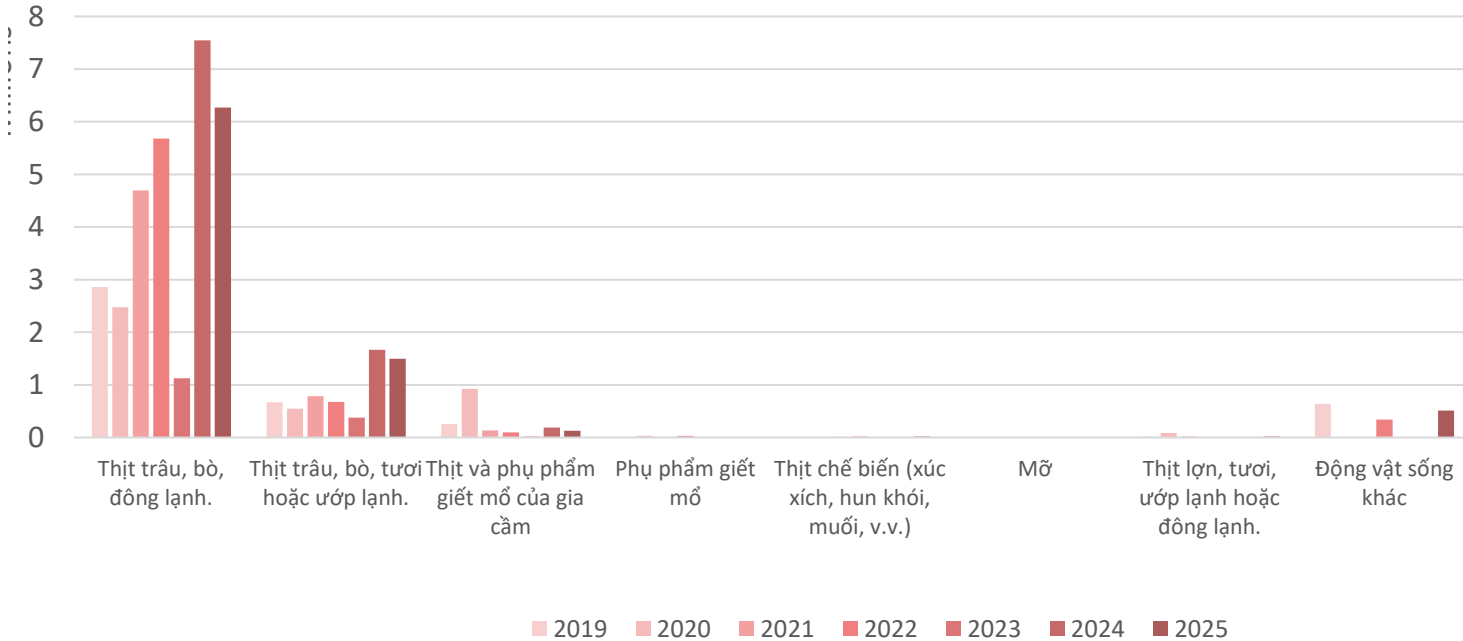
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Trong giai đoạn 2019 - 2025, nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt từ thị trường Nhật Bản có xu hướng tăng trung bình 19%/năm. Năm 2025, ước tính kim ngạch nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường Nhật Bản là 12,5 triệu USD, tăng 33,5% so với năm 2024.
- Nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt từ thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2019-2025 chiếm tỷ trọng rất nhỏ từ 0,1% đến 0,5% thị phần trong tổng giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam.



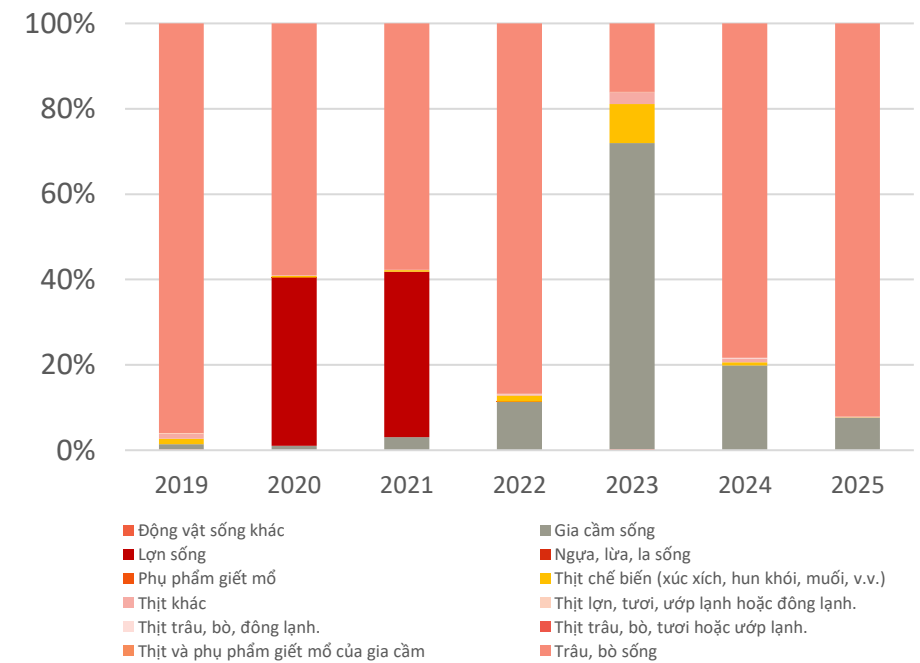
THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt phân theo chủng loại chính từ thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, giai đoạn 2019 - 2025



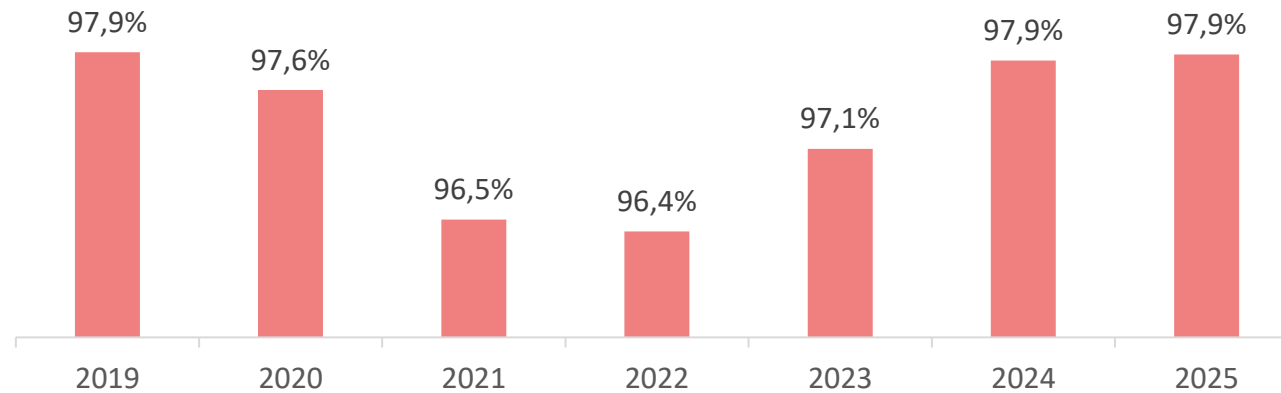
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

- Thịt trâu bò đông lạnh, thịt trâu bò tươi hoặc ướp lạnh, thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm là những mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2019 - 2025.
- Năm 2025, thịt trâu bò đông lạnh là sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất, kim ngạch đạt 9,4 triệu USD, chiếm 75% tổng kim ngạch thịt và sản phẩm từ thịt nhập khẩu từ Nhật Bản.

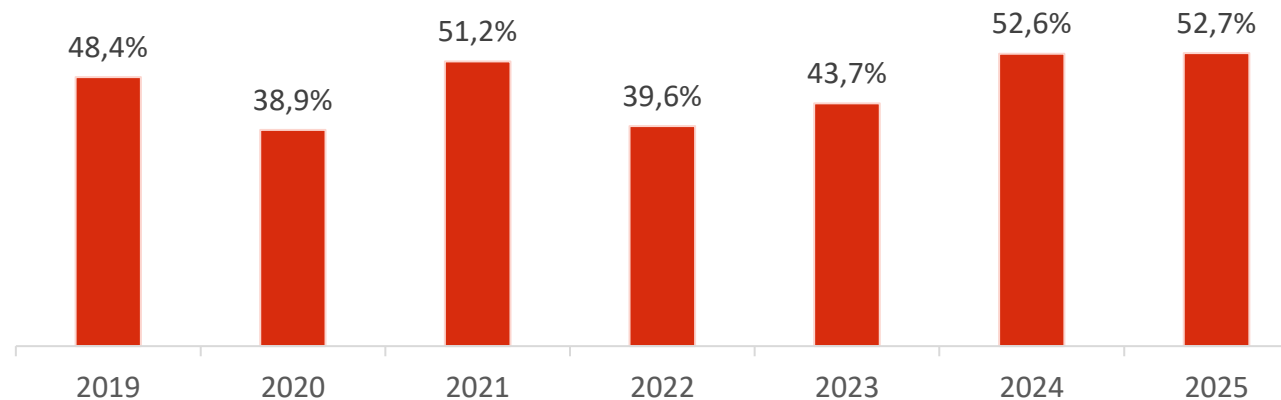


THỊT VÀ SP TỪ THỊT

Biến động tỷ trọng tổng kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường ASEAN, giai đoạn 2019 - 2025



Biến động tỷ trọng tổng kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường ASEAN, giai đoạn 2019 - 2025





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

SỰ KIẾN NỔI BẬT



Nhịp sống đô thị hiện đại tại Nhật Bản đang thúc đẩy nhu cầu ngày càng cao đối với các sản phẩm thịt chế biến. Với quỹ thời gian dành cho việc nấu nướng ngày càng hạn chế, người tiêu dùng thành thị có xu hướng lựa chọn các sản phẩm thịt chế biến nhờ đặc tính tiện lợi, dễ chế biến, hương vị hấp dẫn và khả năng bảo quản tốt. Chính sự thay đổi trong lối sống này đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng của ngành.

Theo dự báo, thị trường thịt chế biến của Nhật Bản sẽ tăng từ 25,8 tỷ USD vào năm 2024 lên 32,5 tỷ USD vào năm 2033, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) ổn định đạt 2,4% trong giai đoạn 2025-2033.

Nguồn: newscast.jp



Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo